

Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam thần Ngụy Trung vâng
lệnh vua Đường Thái Tông cùng biên soạn

PHƯƠNG SÁCH TRỊ NƯỚC CỦA NGƯỜI XƯA
QUẢN THƯ TRỊ YẾU 2
(Tập 8)

Chuyển ngữ:

QUẢN THU' TRỊ YẾU

QUYỂN 17

*Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam, Ngụy Trưng vâng lệnh vua Đường Thái
Tông cùng biên soạn*

HÁN THU' (5)

TRUYỆN

TRƯƠNG THÍCH CHI

Trương Thích Chi, tự là Quý, người Nam Dương, dùng tiền bạc của cải được làm chức Lang triều vua Hán Văn đế, suốt mười năm không được thăng chức chán nản tính xin nghỉ việc về quê. Quan Trung lang tướng là Viên Áng, cho là người có tài đức, tiếc mới tổ chức cho Trương Thích Chi yết kiến nhà vua, Trương Thích Chi triều yết xong, vì những lời nói bàn việc trước đây. được vua Hán Văn đế khen, phong làm chức Yết giả bộc xạ. Một hôm cùng các quan úy khác tháp tùng vua đi thăm vườn nuôi hổ, vua hỏi quan Thượng Lâm úy về sổ sách ghi cầm thú. Hỏi đến hơn mười lần, vua nhìn tả hữu, các quan úy tháp tùng, không ai trả lời, viên quan coi chuồng hổ đi bên cạnh đáp thay các quan úy, nhà vua hỏi toàn bộ sổ sách ghi cầm thú, muốn xem xét khả năng của họ, các quan tùy tùng đều hưởng ứng nhao nhao hỏi. Vua Hán Văn đế nói: “Sao quan lại không xứng đáng như thế?”, rồi ban chiếu phong cho người quản lý chuồng thú làm chức Thượng Lâm lệnh. Trương Thích Chi tâu: “Bệ hạ cho Giáng hầu Chu Bật là người như thế nào?”.

Vua nói: “Trưởng giả”. Trương Thích Chi lại hỏi: “Bệ hạ cho Đông Dương hầu Trương Tương là người như thế nào?”. Vua lại nói: “Trưởng giả”. Trương Thích Chi nói: “Phạm Giáng hầu, Đông Dương hầu là trưởng giả, hai vị này cho thấy chưa từng mở miệng, há có ảnh hưởng đến của các quan lợi khẩu khác chứ! Nhà Tần tín nhiệm loại quan lại đao bút sát phạt nhau, dẫn đến tệ dùng hình phạt quá đáng, không thực lòng có chút trắc ẩn, nên không chịu nghe người ta trình bày lỗi lầm, khiến cảnh đời tàn tạ đến thời vua Nhị Thế, thì sụp đổ đến nỗi mất cả thiên hạ. Ngày nay bệ hạ nghe lời khẩu biện của viên quan nông nghiệp mà dối ý, thần sợ rằng thiên hạ bị cuốn theo chiều gió, cãi vạ nhau mà thiếu thực tế. Vả lại, bề dưới giáo hóa bề trên, là trái với chuyện thường tình, thì tho điều gì không thể không xem xét thật kỹ!”. Hán Văn đế nói: “Hay”. Cho ngưng. Rồi họ theo vua đến Bá Lăng, vua bảo quần thần rằng: “Ôi thôi! Dùng đá ở núi này làm quách chôn người chết, dùng vải sợi gai hoặc tơ thô, đốn cây đào mộ cũng tươm tất rồi!” Tả hữu đều nói: ”Được”. Trương Thích Chi lên tiếng: “Nói chung là có thể được, nhưng đá Nam sơn có khe nứt không được kín, không hoàn hảo, dù không có quách bằng đá, cũng chẳng sao!”. Vua Hán Văn đế khen đúng. Sau đó phong Trương Thích Chi làm chức Đình úy. Chẳng bao lâu sau, nhà vua đang khi đi đến giữa cầu Vị kiều, có một người đi phía dưới cầu, khiến ngựa kéo xe vua hoảng kinh, lòng lên. Vua sai bắt người ấy giao cho quan Đình úy. Trương Thích Chi tâu: “Tên này đi vào đường cấm, đáng bị phạt vàng”. Vua giận bảo: “Tên ấy làm cho ngựa kéo xe ta hoảng sợ lòng lên suýt làm hại ta, sao Đình úy chỉ phạt vàng?” Trương Thích Chi tâu: “Luật pháp của quốc gia thì từ vua đến dân đều bình đẳng, nay xử phạt vàng là đúng người đúng tội, nếu xử nặng hơn thì dân không còn tin vào triều đình ta nữa. Vả lại, bây giờ, nhà vua muốn giết người ấy mới hả giận, nay đã giao cho Đình úy, mà Đình úy phải công bằng cho mọi người, nếu một việc xử lý thiếu công bằng thì dân lẽ nào hết lòng với

triều đình? Xin bệ hạ xem xét cho”. Vua im lặng lâu rồi sau mới nói: “Đình úy làm đúng”. Về sau, có người báo bắt được tên trộm lấy đồ vàng ngọc nơi miếu thờ vua Hán Cao tổ. vua Hán Văn đế giận, giao cho Đình úy trị, Đình úy tâu rằng đang cho điều tra, vua rất giận nói: “Bọn vô đạo trộm đồ thờ của tiên đế, ta giao cho quan Đình úy là muốn truy ra họ tộc nó, thế mà ông lấy luật ra không đúng ý ta, ta nóng ruột vì đó là đồ thờ tự tông miếu vua Cao tổ”. Trương Thích Chi thưa: “Pháp luật phải tiến hành đủ từng bước như vậy. Vả lại, xét trong các tội phải tìm cho ra cái động cơ phạm tội. Vụ trộm đồ thờ nơi miếu thờ tiên đế này mà xử cả họ tộc người ta thì nếu có kẻ ngu chiếm đất lăng tẩm thì bệ hạ dùng luật chi?”. Vua bớt giận, giao cho quan Đình úy xử lý theo luật.

PHÙNG ĐƯỜNG

Phùng Đường, người nước Triệu, nổi tiếng là con hiếu, làm chức Lang trung Thự trưởng thời vua Hán Văn đế. Một hôm vua hỏi Phùng Đường: “Vì sao các bậc phụ lão bảo: “Tự làm chức lang, thì gia đình sống an”, thực ra là nói gì?”. Vua nói tiếp: “Ta sống đến thời này, ta còn phụng dưỡng cha mẹ, xét thấy Cao Khư thường nói cho ta biết tướng nước Triệu là Lý Tề tài đức, chiến đấu ở Cự Lộc. Mỗi khi ta ăn uống, lúc nào cũng nghĩ đến Lý Tề trong trận Cự Lộc. Liệu các bậc phụ lão có biết chăng?”. Phùng Đường nói: “Lý Tề còn thua xa Liêm Pha, Lý Mục”. Vua nói: “Than ôi! Nếu ta có được tướng tài như Liêm Pha, Lý Mục, thì sá gì quân Hung Nô chứ!” Phùng Đường thưa: “Tuy có Liêm Pha, Lý Mục, thì bệ hạ cũng không thể sử dụng được”. Vua nổi giận đứng lên đi vô cảm cung. Lâu sau, cho triệu Phùng Đường hỏi tiếp: “Ý ông thế nào mà bảo ta không sử dụng được Liêm Pha, Lý Mục?”. Phùng Đường tâu: “Thần nghe thời thượng cổ các bậc đế vương điều khiển tướng lĩnh, cung kính hạ mình chia sẻ miếng ăn, nói: “Chèo chống nội

bộ thì quả nhân trách nhiệm, còn chống đỡ với bên ngoài trông cậy vào các tướng quân, quân công thưởng tước do việc làm bên ngoài quyết định, qua bảng tâu”. Đó không phải là nói suông. Lý Mục làm tướng nước Triệu nơi vùng biên, tô thuế của quan thì đều tự dụng để nuôi quân, ban thưởng đều do bên ngoài quyết định, không phải tâu xin triều đình ban xuống. Ủy nhiệm mà mong cầu thành công, nên Lý Mục mới đem hết tài trí, đánh đuổi quân Thiên Vu ở phía bắc, phá quân Hồ ở phía đông, diệt được Đạm Lâm, chống cường Tần phía tây, chi phối các nước Hàn Ngụy phía nam. Ngày nay thần trộm nghe tin Ngụy Thượng làm Thái thú Vân Trung, tô thuế quân thì cấp hết cho sĩ tốt, còn xuất tiền tư dưỡng của mình, cứ năm ngày giết một con bò chiêu đãi các chỉ huy quân đội, nên quân Hung Nô tránh xa miền biên giới Vân Trung. Mỗi khi có giặc cướp xâm nhập, Ngụy Thượng xuất quân xa, quân kỵ đón đánh, giết được rất nhiều giặc. Ngu thần cho rằng bệ hạ có luật rất rõ, thưởng rất ít, phạt thì rất nặng. Vả lại Ngụy Thượng còn có công đánh giặc. nay bị bệ hạ phạt giáng cấp, tước bỏ tước vị. Vì thế thần mới nói, tuy có Liêm Pha, Lý Mục, bệ hạ cũng không sử dụng được. thần ngu muội nói lời kỵ húy, thật đáng chết! ”. Hán Văn đế hài lòng. Một hôm lệnh cho Phùng Đường tuyên bố tha tội cho Ngụy Thượng, khôi phục chức Thái thú Vân Trung, phong Phùng Đường chức Xa kỵ đô úy.

CẤP ÂM

Cấp Âm, tự là Trường Nhu, người Bộc Dương, có tiếng là người chính trực. làm việc nghiêm túc. Vua Hán Vũ đế triệu vào triều phong cho làm quan Trung đại phu. Cấp Âm nhiều lần thẳng thắn can vua, nên không ở trong triều lâu được, vua bổ Cấp Âm làm Thái thú Đông Hải. Cấp Âm học theo đạo Lão, cai trị chuộng thanh tịnh, quan tâm xử lý việc lớn, không chú ý việc nhỏ. Ông có nhiều bệnh, ở biệt trong nhà, ít khi ra

ngoài. Hơn năm sau, xứ Đông Hải rất ổn. Cấp Âm được triệu về phong làm Chủ tước Đô úy, ông cũng làm việc theo cách vô vi của Lão học mà thôi, đại thể là không theo kinh sách của nhà Nho. Vua hỏi quần thần: “Cấp Âm là người như thế nào?”. Nghiêm Trợ tâu: “Bổ nhiệm Cấp Âm làm quan vì không biết Cấp Âm là người lắm bệnh, nên trong việc phụ tá cho thiếu chúa, ông ta tự cho là có tài nhưng không thể như Mạnh Bí Hạ Dục được”. Vua nói: “Phải đấy, so với bây tôi xã tắc thời xưa, thì Cấp Âm còn kém, chỉ gần đạt thôi”. Vua đứng cạnh giường khi tới thăm Đại tướng quân bị bệnh, còn khi gặp Thừa tướng Hoảng Ân, có khi vua không đội mũ, nhưng với Cấp Âm, không đội mũ thì không ra gặp, từ xa vua thấy Cấp Âm thì né vào trong trướng, sai người ra đón nhận bằng tâu. Vua coi trọng Cấp Âm như thế. Đình úy Trương Thang làm việc sửa đổi luật lệnh vi, Cấp Âm gọi Trương Thang đến hỏi: “Ông làm quan chính khanh, mà trên thì không bảo vệ được công nghiệp của tiên đế, dưới thì không giáo hóa thiên hạ hết tà tâm. Sự nghiệp an quốc phú dân, nhà tù không còn tội phạm, không phải loạn lạc sao không giữ ước thúc của Cao hoàng đế? Ông làm thế là không bài bản đó!”. Bấy giờ Cấp Âm và Trương Thang bàn luận, Trương Thang ưa dùng lời nói văn vẻ tỉ mỉ cay nghiệt, Cấp Âm giận mắng: “Người ta cho rằng bọn đao bút không nên cho làm công khanh. Quả đúng như thế thật! Với Trương Thang này, khiến thiên hạ cùng cố nhận định ấy càng mạnh thêm vậy!”.

GIẢ SƠN

Giả Sơn, người Dĩnh Xuyên, làm quan thời vua Hán Hiếu Văn đế, nói về đạo trị loạn, thường dẫn chứng vụ việc thời nhà Tần, được cho là “chí ngôn”. Giả Sơn nói: “Phàm là kẻ sĩ áo gai, đai da, bên trong thì tu thân mà thành danh với bên ngoài, khiến cho hậu thế nhớ đến hoài, nhưng thời nhà Tần

thì không được như vậy, cao quý nhất là thiên tử, giàu có thì có cả thiên hạ, vua đánh thuế quá nặng, nên đầy đường người mặc áo tù, trộm cướp nhan nhản khắp núi rừng, khiến nhân dân trong nước luôn luôn phải mở to mắt ra nhìn, nghiêng tai nghe ngóng mọi động tĩnh lo cảnh giặc đề phòng. Nhà Tần không có người hô gọi thì thiên hạ hưởng ứng. Lại từ Hàm Dương về phía tây đến miền Ung, xây Ly cung ba trăm phòng, màn trướng chiêng trống với nhiều đồ khác. Lại xây dựng cung A phòng, cao mấy mươi nhận, chiều đông tây dài 5 dặm, chiều nam bắc dài hàng ngàn bước, vua ngồi xe ngựa chạy ngoài đường, tứ mã kéo như bay, cờ xí rợp trời. Xây dựng cung điện đẹp đến như thế, các đời sau chưa đời nào làm được. Mở đường xá khắp mọi nơi, phía đông đến nước Yên nước Tề, phía nam đến nước Ngô nước Việt, đường rộng năm mươi bước, bên ngoài đường có bờ, nền đường nện bằng phẳng, trồng cây bóng mát. Xây dựng đường xá đẹp đến như thế, các đời sau chưa đời nào làm được. Người chết chôn ở núi Li sơn, trong mười năm có đến mấy chục vạn ngôi mộ quan vừa mộ dân. rồi vào một ngày đẹp trời mười năm sau, thì làm lễ hạ triệt tam tuyền, chôn theo tiền đồng, bên ngoài sơn đen. trang sức đầu tóc bằng châu ngọc, vòng phỉ thúy dùng đeo cổ và tay, ướp dầu thơm. Việc mai táng xa xỉ đến như thế, các đời sau không được chôn cất người thân sơ sài.

Nhà Tần dùng sức mạnh của loài gấu, cái tâm của loài cọp sói mà dần dần đánh chiếm các nước chư hầu, tóm thu thiên hạ. Nhà Tần không chú trọng lễ nghĩa, nên ngàn thứ tai ương đổ ập đến. Thần ngu muội lắng nghe, cúi xin bệ hạ lưu ý những điều chủ yếu được trình bày ở trong. Thần nghe trung thần thờ vua mình, lời ngay thường không được nghe theo, người nói ra bị nguy, còn lời nói không ngay thẳng thì không thể là minh đạo. Bởi thế, xin minh chúa nghe những lời tâu ngay thẳng thì trung thần dù chết cũng hết sức tâu bày. Nơi mà chất đất xấu tuy có giống tốt, cây cũng không tăng trưởng được. còn các nơi gần sông cạnh suối, tuy sạ hạt giống xấu, không cây nào không lớn

tốt. Cho nên đất đai màu mỡ thì tốt cho cây lúa, vua nhân từ thì sĩ phu cũng được hàm dưỡng thiện sự. Sấm sét đi đùng thì không gì không gãy đổ; ngàn vạn cân đê nặng không gì không bị tan nát. Ngày nay cái oai của bệ hạ thua gì sấm sét, cái thế của bệ hạ thua gì ngàn vạn cân nặng. Ban bố chính sách thì cầu nhiều lời góp ý, bệ hạ nên vui vẻ mà tiếp nhận, dùng lời nói mà vinh danh người ta. Sĩ phu kiệm lời vì ngại đụng chạm, nên không hết lòng bày. Huống chi nói họ phóng túng hành vi bạo ngược? Ra oai sấm sét, đê nặng cả ngàn vạn cân thì tuy cái tài trí của vua Nghiêu vua Thuấn, cái sức mạnh của Mạnh Bì cũng không thể làm thay đổi được đâu? Như vậy, thì bệ hạ không nhận ra được sai sót của mình vậy, không nhận ra mối nguy của xã tắc. Chế độ của các bậc thánh vương thời cổ, sách sử có chép các sai sót trong tiền thư, công tụng tâm gián, nghe người dân đến đi ven đường, nghe giới thương buôn nơi chợ búa bình luận thì nhà vua mới nhận ra được những sai sót. Nhận ra những sai sót mà chỉnh sửa, thấy điều nhân nghĩa mà làm theo, cho thiên hạ được ổn định lâu dài. Không bày tội nào trong cả nước không ai là không tôn kính thiên tử của mình, nên họ dưỡng Tam Lão nơi đại học, tiến cử bậc hiền tài để phụ giúp nhà vua, cầu kẻ sĩ tu chính can gián ngay thẳng. Cho nên việc tôn dưỡng tam lão, dạy hiếu đạo; lập bày tôi phụ giúp vua, ngại vua kiêu ngạo; bố trí quan trực gián vì ngại vua không tự nhận ra sai sót; học vấn đến như Sô Nhiêu, cầu việc tốt không bị chèn ép; cải tạo sự phi báng của kẻ buôn bán, người hèn mọn. tất cả những việc tốt không thể không nghe theo. Ngày xưa, sức mạnh của nhà Tần thôn tính vạn quốc, xóa lục quốc lập cơ chế quận huyện làm thiên hạ giàu lên, cho xây Trường thành vạn lý để phân định ranh giới với nước ngoài. Đất Tần kiên cố, thế lớn thế nhỏ, quyền hành khinh trọng, đều thuộc quản lý của một nhà, thật là thắng kẻ! Nhưng mà quân nhà Tần bị Trần Thiệp phá, lãnh thổ bị Lưu Bang đoạt mất tại sao như vậy? Tại vì nhà Tần bạo ngược tham lam như sài lang, tàn bạo cướp bóc thiên hạ, khiến vạn

dân cùng khôn, thì ai còn muốn theo. Ngày xưa, nhà Chu một ngàn tám trăm nước, nhân dân cửu châu nuôi dưỡng một ngàn tám trăm ông vua, dùng sức dân không được quá 3 ngày một năm mà dân làm tới mười một ngày, vua có dư của cải, dân có dư sức làm, ca tụng triều nhà Chu.

Vua Tần Thủy hoàng buộc dân của một ngàn tám trăm nước cung phụng mình, người ta mỗi một thì không lao dịch tốt được, tiền hết thì không thể cầu mà có được, một mình nhà vua thì có thể tự dưỡng, thiên hạ không có khả năng cung phụng việc vui chơi săn bắn của nhà vua. Trong cái xã hội mà người mỗi một không được nghỉ ngơi, kẻ cơ hàn không có quần áo cơm canh, kẻ vô cô bị tử hình không thể kêu cáo, vì vậy người ta oán nhau, nhà này thù địch với nhà kia, cho nên thiên hạ bại hoại vậy. Người chết vừa mấy tháng, bốn phía nhào vô tấn công, thì tông miếu bị diệt tuyệt vậy. Vua Tần Thủy hoàng đã gây nên các mầm mống diệt tuyệt như vậy ngày một nhiều, mà không tự nhận thức được, là vì sao? Vì thiên hạ không ai dám báo cho. Vì sao không ai dám báo? Vì nhà Tần cư xử với dân thiếu tình nghĩa, lại không có bầy tôi tài giỏi phụ giúp, không có kẻ sĩ trung trực dám lên tiếng can gián nhà vua, nên nhà Tần hành động giết người bừa bãi, ngăn cấm người phỉ báng triều đình. Giết người ngay thẳng dám đứng ra can vua, quan lại toàn là bọn dê chó trộm đạo, quá khác với đạo đức của vua Nghiêu, vua Thuấn, không làm nên công trạng như vua Thang, vua Vũ. Cả thiên hạ như tan vỡ, mà không có lời báo cáo. Kinh Thi có câu: “Không nói không phải là không có khả năng, mà là do kiêng sợ thôi”. là nói lên tình hình như vậy. Trong thiên hạ chưa từng thiếu kẻ sĩ, nhưng như vua Văn vương nói đến cái gọi là “dĩ ninh”, nghĩa là sao? Vua Văn vương muốn đức nhân được tôn trọng được nâng cao, được giới sĩ phu tôn kính thì kẻ sĩ áp dụng, mà kẻ sĩ áp dụng thì có lễ nghĩa. Thế cho nên, không ái kính đến nơi đến chốn thì không thể tận tâm, không tận tâm thì không làm hết sức, mà không làm hết sức thì không thể thành công. Thế cho nên các bậc

vua hiền ngày xưa, đối xử với bầy tôi, tôn vinh tước lộc của họ và thân tình với họ. Nghe bị bệnh thì đến thăm, nghe đi điều tang. Rồi làm cải táng nữa là ba lần, chưa thu liễm thì không uống rượu ăn thịt, chưa chôn thì không tấu nhạc, khi đang tế lễ nơi tông miếu mà chết, thì không được tấu nhạc. Cho nên, thời xưa nhà vua tận lễ với bầy tôi của mình. thì bầy tôi không dám không ra sức đến chết để báo ơn cho vua mình, công đức lập nên lưu lại hậu thế, khiến hỏi mãi không quên”.

TRÂU DƯƠNG

Trâu Dương, người nước Tề, phục vụ Ngô vương Ty. Ngô vương Ty lấy việc Thái tử oán vọng, cho rằng có âm mưu gian trá nên cáo bệnh không đi họp. Trâu Dương dâng thư can gián vua, nhưng Ngô vương không nghe lời can. Bỏ Lương, theo Hiếu vương Du, Trâu Dương là người khẳng khái có mưu lược, không quan hệ bừa bãi, giữ khoảng cách với Dương Thắng, cũng như với Công Tôn Quỷ. Phe Dương Thắng không ưa Trâu Dương sàm tấu rằng Trâu Dương ác cảm với vua Hiếu vương. Vua Hiếu vương nổi giận, cách chức Trâu Dương, bắt giam tính sẽ giết đi. Từ trong ngục Trâu Dương viết thư tâu vua: “Thần nghe rằng ‘trung vô bất báo, tin tưởng thì không nghi’, thần cho là dĩ nhiên là như vậy. Ngày xưa, Kinh Kha hãm mộ cái nghĩa của Thái tử Đan nước Yên, thấy cầu vòng màu trắng hiện ra suốt ngày, khiến Thái tử Đan lo sợ. Vệ tiên sinh vạch cho nhà Tần đánh tan quân Trường bình, sao thái bạch ăn sao ngang, khiến Chiêu vương nghi ngờ. Phàm trời đất biến loạn, mà tin thì bất luận hai chúa, há lại không đáng lo hay sao! Ngày nay thần thực lòng tận trung, đem hết trí lực ra phò vua. Nhưng các quan không thấu rõ, sinh lòng nghi ngờ phê phán lung tung. Là khiến chuyện Kinh Kha, Vệ tiên sinh lặp lại, nước Yên, nước Tần không thể khôi phục. Mong đại vương xem xét thật kỹ. Chuyện ngày xưa người dân có ngọc quý, hiến vật quý cho vua Sở lại bị Sở vương giết chết, Lý Tư rất trung thành, bị Hồ Hợi xử cực

hình. Ông Cơ tử phải giả điên, ông Tiếp Du trốn đời, là vì ngại bị cái họa nạn ấy. Mong đại vương minh xét cái ý của người dân dâng ngọc, của Lý Tư, rồi sau mới phán xét Sở vương, Hồ Hợi vì nghe lời gièm pha mà hại người thật lòng, như vậy thì sao không làm trò cười cho ông Cơ tử, ông Tiếp Du? Thần nghe chuyện ông Tử Can bị moi tim, ông Tử Tế bị đày làm mọi, ban đầu thần không tin, nay thì tin, mong đại vương xét kỹ cho, đoái thương cho thần! Sách Luận ngữ có câu: “Hữu bạch đầu như tân, khuynh cái như cố”.nghĩa là sao? Là biết với không biết vậy. Thế nên Phàn Ư Kỳ bỏ nước Tần, trốn qua nước Yên, Kinh Kha mượn cái đầu của Kỳ để lo việc của Thái tử Đan nước Yên. Vương Xa bỏ nước Tề qua đầu nước Ngụy, vào thành nước Ngụy rồi, thì cắt cổ tự sát, ý muốn nước Ngụy tiêu diệt nước Tề. Phàm Vương Xa, Ư Kỳ không phải muốn làm tốt nước Tề nước Tần, mà chỉ vì nước Yên, nước Ngụy, họ cùng chí hướng mong hai nước Yên, Ngụy giết hai vua, nghĩa khí được ngưỡng mộ rất lớn. Tô Tần chọn nước Yên để giúp, người ta ghét Tô Tần tâu lên Yên vương, Yên vương giận dữ chống kiếm hậu đãi Tô Tần, tặng ngọc quý Trung sơn, người ta ghét Ngụy Văn hầu. Văn hầu dùng ngọc dạ quang ban thưởng cho Tô Tần, sao vậy? Hai vua hai thần tử, mổ tim, lấy gan cùng tin nhau, há có thể nuốt lời hay sao? Cô gái không đẹp không xấu được tuyển vào cung thì bị ghen ghét, kẻ sĩ vô tài cũng không làm bậy thì bị người trong triều đình không ưa.

Ngày xưa ông Tư Mã Hỉ bị phạt chặt xương đầu gối ở nước Tống, làm tướng quốc nước Trung sơn; Ông Phạm Thư bị tội cắt xương sườn, nhờ rằng ở nước Ngụy sau làm Ứng hầu. Hai người ấy tất yếu đều có lòng tin nơi kẻ hoạch, được bè bạn giúp rập, không khỏi bị những người khác ghen ghét. Ông Bách Lý Hề đi ăn xin ngoài đường mà được vua Tần Mục công giao cho quyền cai trị cả nước Tần, ông Ninh Thích ăn cơm dưới xe bò, mà được vua Tề Hoàn công tín nhiệm giao cho việc lớn của đất nước. Hai vị này, chẳng lẽ khen nịnh các quan trong triều mới được hai ông vua trọng dụng hay sao? Cảm ở tâm, hợp nơi công việc, bền chắc

như keo sơn, anh em không bỏ, há lại được mọi người hết mực khen hay sao? Thế nên nghe lời thiên lệch thì sinh gian tà, độc tài tin nhiệm thành ra loạn. Ngày xưa nước Lỗ nghe lời bàn của ông Quý Tôn mà đuổi Khổng Phu Tử, nước Tống tin theo mưu kế của Tử Nhiễm mà bỏ tù ông Mặc Định. Phàm dùng thuyết của đức Khổng, của thầy Mặc Định thì không thể tự tránh được nịnh nọt nói xấu người tài, thì hai nước bị nguy. Là sao? Là vì lời nói của nhiều người đúc thành khuôn vàng thước ngọc, chứa nhiều chất phá cốt thì xương cốt nào chịu nổi! Nhà Tần dùng người rợ Nhung, mà cường thịnh làm bá chủ Trung Quốc, nhà Tề dùng người Việt Tử Tang mà trở nên cường thịnh. Hai nước ấy há để cho thói đời dặt mũi, trói buộc hay sao?”. Nghe và xét công minh thì sáng suốt trị thế. Cho nên cái ý tưởng hợp cùng người Hồ người Việt làm anh em, là từ Do Dư, Tử Tang vậy. Không hợp lại thì cốt nhục thành thù địch, là chuyện Đan Chu, Tượng, Quản, Sái. Ngày nay, nhà vua nên theo chính trị sáng suốt của nước Tần nước Tề ngày xưa, đừng nên theo như nước Lỗ nước Tống thì ngũ bá thời xưa không đáng kể, tam vương cũng không sánh được. Phàm Tấn Văn công làm thân với kẻ thù, mà thành bá chủ chư hầu, Tề Hoàn công sử dụng kẻ thù xưa mà nắm hết thiên hạ, tại sao vậy? Các vị ấy có đức tính từ ái nhân hậu, siêng năng, việc ban ơn lòng dạ chân thành, không bao giờ dùng lời nói giả dối không thực tế. Đến như nhà Tần dùng hình pháp của ông Thương Ưởng, làm suy yếu các nước Hàn, Ngụy ở phía đông, vươn lên mạnh mẽ trùm thiên hạ, làm tê liệt những nước nhỏ bé. Nước Việt dùng mưu kế của Đại phu Chung, diệt được nước Ngô để lên làm bá chủ Trung Quốc. Là chuyện Tôn Thúc Ngao ba lần làm tướng, ba lần từ chức, mà không hối hận. Ngày nay, bề hạ thành thật bỏ cái tâm kiêu ngạo, ôm cái ý báo ân, giữ tâm phúc, nhận rõ cái chủ yếu, dấy tinh thần can đảm lên, ban bố đức dày. Không yêu giới sĩ thì con chó của vua Kiệt có thể bảo nó cắn khách như vua Đế Nghiêu, người Đạo Chích, có thể bảo chó mình cắn chết người hiền Hứa Do, sá gì người có quyền chỉ huy vạn cỗ xe,

người giả tư cách thánh vương! Nhưng sau đó, Kinh Kha nhận chìm bảy tộc, Yếu Ly giết vợ con. Há đủ với cái đạo lý của đại vương chứ! Thần nghe hạt châu Minh nguyệt, viên ngọc bích Dạ quang, dùng mê muội con người, người dân không ai là không chống kiếm lờm nguýt nhau. Sao vậy?

Rễ cây cuộn vòng vèo dưới gốc trông lạ mắt, người chỉ huy vạn cỗ xe, trước tiên khiến những người thân cận tin tưởng. Thế cho nên, không nguyên nhân trước, tuy đưa ra viên trân châu nước Tuyền, viên ngọc bích họ Hòa, chỉ kết thành oán mà không thấy đức; Có người trước đây, bị xem là cây khô gốc mục, lập công mà không quên. Ngày nay phàm kẻ sĩ áo vải trong thiên hạ, bản thân nghèo, tuy mơ ước cái thuật thời Nghiêu Thuấn, bắt chước biện luận của ông Y Doãn, ông Quán Trọng, ôm giấc mộng của ông Long Phụng, cái ý của ông Tử Can mà thường không gốc rễ, tuy rất muốn tỏ lòng trung với nhà vua đương thời, thì tất nhiên bậc nhân chủ đâu có thể tin ngay được. Là khiến kẻ sĩ áo vải, không thể là tư chất của cây khô gốc mục. Ngày nay nhà vua chìm ngập trong những lời siểm nịnh, chế độ dè dặt, nên không ràng buộc kẻ sĩ với người làm nghề nông chân lấm tay bùn lam lũ. Đó là lý do mà Bào Tiều phần uất ở đời. Thần nghe rằng người càng nhiều lời nói triều đình, không vì riêng tư ô nhục nghĩa, mãi dữa danh hiệu, không vì lợi mà thương tổn hạnh. Cho nên Lý gọi là thắng mẫu, thầy Tăng tử không vào; ấp tên là Triều Ca, thầy Mặc tử quay xe lại trở về. Ngày nay, muốn khiến kẻ sĩ bát ngát trong thiên hạ, đem nhốt trong uy quyền cứng rắn, đè dưới cao quý cú vị thế, quay mặt hành động xảo quyệt, để phục vụ cho bọn siểm nịnh, mà cầu thân với tả hữu, thì kẻ sĩ liệu có tận trung tín mà theo nhà vua hay không!”. Đọc xong bản tâu, Hiếu vương đứng lên đi ra, rồi xem như là thượng khách.

Mai Thừa, tự là Thúc, người Hoài Âm. Mai Thừa làm chức Lang trung triều Ngô vương Ty. Ban đầu, Ngô vương oán trách nên có âm mưu tạo phản làm giặc, Mai Thừa dâng thư can vua, rằng: “Thần nghe rằng được hoàn toàn thì hoàn toàn thịnh vượng, mất hoàn toàn giả thì hoàn toàn bỏ Bậc trung thần can vua không sợ chết, thì sự việc không có sách để lại, mà công tích lưu hành đến vạn thế, thần vẫn thẳm mong mỗi trong lòng, mà bắt chước ngu trung, chỉ mong đại vương cho chút ý niệm nơi lời tâu của thần. Phàm dùng một ít tín nhiệm, ràng buộc trọng trách nặng ngàn cân, treo vào chỗ cực cao, xuống đến tận đáy biển sâu không dò tới được, thì tuy là người cực ngu tối, cũng còn biết buồn rầu đến có thể chết được. Ngựa vừa sợ, lại nghe tiếng trống hoảng kinh; sự ràng buộc vừa dứt, lại đè nặng nó. Đoạn tuyệt với trời, thì không thể nối kết trở lại, rơi chìm vào dòng nước sâu, thì khó mà vượt thoát. Muốn thoát ra mà chẳng thoát ra được, rất là ngặt nghèo. Nên nghe lời can của trung thần, thì trăm việc đều tốt đẹp. Tất nhiên nếu muốn làm như mình muốn, thì nguy hơn xếp trứng, khó hơn lên trời; còn thay đổi mình muốn làm thì dễ hơn trở bàn tay, mà vững hơn núi Thái sơn. Ngày nay muốn mệnh trời trường thọ, bỏ hết cái vui sướng, nghiên cứu việc nắm giữ vạn cổ xe, không có dễ như trở bàn tay, để ở được yên ổn như núi Thái sơn, mà muốn mang được cái nguy xếp trứng, trôn cái khó lên trời, đó là mối cảm khái lớn của ngu thần vậy. Tính người ta hay lo sợ cái bóng của mình mà ghét dấu tích, quay lưng lại chạy đi, dấu tích càng nhiều thì bóng đáng theo càng khổ nạn, không biết biết đến chỗ râm mát dừng, thì bóng tự hết, dấu tích chẳng còn. Muốn người ta không nghe, không gì bằng đừng nói ra; muốn người ta không biết thì không gì bằng không nên làm. Muốn có nước nóng khi trời rét mà khi một người nhóm lửa, trăm người thổi vào, không khác chi rút củi tắt bếp mà thổi, rất là vô ích vậy. Đang giao thiệp với một người mà đi giúp kẻ thù của người ấy, chẳng khác chuyện người ta ôm

củi đến chữa lửa. Đại phạm dùng quả cân nửa lạng mà cân, thì cân đến số thạch thì không thể cân đúng được, dùng cây thước một tấc mà đo đến số trượng thì sai. Cân trọng lượng hàng thạch, đo chiều dài hàng trượng phải đảm bảo ít sai sót nhất. Có cây cổ thụ gốc to cả mười vòng ôm, khi mới mọc lên chỉ như cái chồi, có thể bị vùi lấp mất đi, tay người ta có thể nhổ bỏ, giống như khi chưa được sinh ra, trước khi nên hình nên dạng. Chà xát mài dũa, không thấy hao đi, mà có khi mất hết, trồng cây chăm bón, không thấy lớn, mà có khi to lên, tích lũy đức hạnh, không biết cái thiện, có lúc dùng đến; bỏ nghĩa vật lý, không biết cái xấu, có khi mất hết. Thần mong đại vương tính kế mà hành động, đó là đạo lý bất di bất dịch của trăm đời”. Ngô vương Ty không nghe theo. Mai Thừa bỏ đi qua nước Lương.

LỘ ÔN THƯ

Lộ Ôn Thư tự Trường Quân, người Cự Lộc. Khi vua Hán Tuyên đế mới lên ngôi, Lộ Ôn Thư làm chức Thượng thư, tâu vua nên đề cao đạo đức, nhẹ hình phạt cho dân. Ông tâu: “Thần nghe hồi xưa nước Tề bị cái họa Vô Tri mà vua Hoàn công làm cho hưng thịnh, nước Tấn có cái nạn Ly cơ, mà vua Tấn Văn công dựng nên nghiệp bá. Gần đây họ Lữ dấy loạn, mà vua Hán Hiếu Văn được nối ngôi. Từ các sự kiện ấy cho thấy rằng họa loạn xảy ra, cùng với thánh nhân xuất hiện. Nhà vua luôn tu dưỡng đạo đức, để kế thừa tâm trời, tôn sùng nhân nghĩa, đơn giản hình phạt, thông cửa khẩu với các nơi, thống nhất xa gần, kính trọng người hiền tài đạo đức xem như châu báu, thương dân như yêu con đỏ, rộng lòng để yên nội bộ, mà thi hành khắp trong nước, thì nhà tù trống không, thiên hạ thái bình. Đại phạm biến hóa tiếp sau, tất có đạo đức khác xưa, nhờ bậc vua hiền thánh cai trị nhân dân đúng với thiên mệnh vậy. Bệ hạ vừa ngồi vào vị trí chí tôn, thì nên sửa đổi những cái sai của triều trước, tẩy sạch phiền văn, trừ dẹp các tật xấu của

nhân dân, tồn vong kế tuyệt, để theo đúng ý trời. Thần nghe rằng nhà Tần có mười điều thất lợi, mà một thứ vẫn còn, là quan lại coi ngục. Vào thời nhà Tần, coi thường văn học, thích hành xử bạo lực, coi thường kẻ sĩ nhân nghĩa, coi trọng quan coi tù, lời nói thẳng cho là phỉ báng, ngăn cấm không cho bảo là yêu ngôn. Thế cho nên các vị có tài học không được sử dụng ở đời, lời tha thiết của người trung lương đều u uất ở trong lòng, tiếng khen nịnh đầy lỗ tai suốt ngày, hoa mỹ sáo rỗng đầy lòng, thật họa đầy dẫy. Đó là lý do nhà Tần mất thiên hạ. Ngày nay thiên hạ được hưởng ơn dày của bệ hạ, không nguy bị cắt da xẻ thịt, không lo bị đói lạnh nhưng chưa thể thái bình thấm đượm, còn cảnh ngục loạn. Chuyện tù ngục, là chuyện đại mệnh của thiên hạ, người đã chết thì không thể sống lại, cái gì đã bị cắt đứt thì không còn liên lạc như cũ được. Kinh “Thư” viết: “Giết người vô tội, thà mất chứ không làm quan. Ngày nay, quan xử kiện không như vậy. trên dưới đụng nhau, xét xử hà khắc, người thì cầu được công danh, người thì bị nhiều hoạn nạn về sau. Cho nên quan lại xử án đều muốn xử tội tử, không phải vì ghét mà vì mình được an ổn sau khi phạm nhân qua đời. Vì thế máu của người chết rải khắp chợ, những người bị xử tội hình sự đứng sánh vai nhau, mưu kế của nhà vua mỗi năm có hàng vạn, đó là nỗi đau của bậc vua thánh nhân từ. Vì các chuyện ấy mà thái bình chưa nhuần thấm. Đại phạm xã hội yên ổn thì nhân dân sinh sống vui sướng, còn đời sống thống khổ thì ai cũng muốn chết. Kể từ đó trở xuống, tại sao cầu mà không được? Cho nên tù nhân không khỏi đau đớn, mọi lời nói hoa mỹ để bày tỏ; Giới quan lại cai trị đương nhiên có lợi, nên cứ theo đó mà làm. Khi nhà Tần hưng thịnh, tuy ông Cao Dao nghe được thì khép tử hình cũng chưa hết tội. Tại sao như vậy? Là vì quan lại ngành tư pháp chuyên làm những việc tàn tặc, không quan tâm đến hoạn nạn quốc gia. Cho nên tục ngữ có câu: “Vẽ đất làm ngục, bần chẳng ai vào, khắc cây làm quan, mong chẳng người đáp” Đó đều là phong cách tệ hại của giới quan lại, lời nói sâu thẳm.

Thế nên cái họa nạn quốc gia chẳng gì sâu bằng ngục; Bại pháp loạn chính, bỏ người thân, lấp đạo lý, không hại bằng viên quan coi ngục. Đó gọi là một thứ vẫn còn vậy.

Thần nghe người ta bảo trứng chim điều hâu đẻ lâu không bị hư, về sau chim phượng hoàng đến ấp. Tội phỉ báng không bị khép tội tử, mà sau tâu lời hay, cho nên người xưa có nói: “Rừng núi ẩn chứa đủ thứ bậy, suối đầm cũng chứa chất bẩn, trong viên ngọc đẹp ẩn cái xấu, nhà vua cũng có tính tốt xấu lẫn lộn”. Chỉ riêng bề hạ loại bỏ lời phỉ báng mà tha thiết cầu lời tâu hay, rộng lòng nghe thiên hạ nói. mở đường cho những lời trâm gián, quét sạch các tục xấu của nhà Tần để lại, tôn sùng đạo đức của vua Chu Văn vương, vua Chu Vũ vương, xét lại cải đổi pháp chế, giảm nhẹ hình phạt thì nhất định đời thái bình hưng thịnh, nhân dân hòa thuận vui sướng, hợp với đạo trời, thiên hạ hạnh phúc”.. Nhà vua khen lời tâu hay.

TÔ KIẾN

Tô Kiến, người Đỗ Lăng, tự là Tử Khanh, tên là Vũ. Vua Hán Vũ đế dùng Vũ làm chức Trung lang tướng, cầm đầu phái bộ đi sứ nước Hung Nô, cùng Phó Trung lang tướng Trương Thắng, cũng như bọn giả quan như Thường Huệ đến gặp Ngu Thường v.vv... mưu tính việc phản ở nước Hung Nô. Khi còn ở trong nước, Ngu Thường vốn là chỗ tương tri với Trương Thắng, nói riêng với Trương Thắng rằng: “Nghe vua Hán rất căm Vệ Luật, ông có thể vì nhà Hán mà giết nó. Mẹ với em ta ở trong nước, hân hạnh mong được thưởng”. Có người biết chuyện, nhân đêm đi tố cáo. Thiển Vu nổi giận, họp triều đình, tính giết sứ nhà Hán, quan Tả y Trật Tí nói: “Giết sứ thì làm sao quan hệ giao dịch được? Nên dụ hàng”. Thiển Vu giao cho Vệ Luật đi dụ hàng Tô Vũ, Tô Vũ nói: “Làm nhục sứ mệnh của vua, còn mặt mũi nào trở về triều Hán!”, rồi lấy dao tự tử. Vệ Luật hoảng

kinh, ôm thi thể Tô Vũ, thấy đã đứt hơi thở, chùng nửa ngày thì thở trở lại, Thiên Vu khen ngợi tiết tháo của Tô Vũ, sai sứ đến phủ dụ an ủi Tô Vũ, Bàn chuyện Ngu Thường, muốn dụ hàng Tô Vũ. Giết Ngu Thường xong, Vệ Luật nói: “Thiên Vu xá tội cho ông nếu ông đầu hàng”. Tô Vũ rút kiếm tính chém, Trương Thắng xin hàng. Vệ Luật nói với Tô Vũ: “Phó Trung Lang có tội, mà yên thân”. Lại rút kiếm định chém. Tô Vũ không cử động. Vệ Luật nói: “Ngài Tô, trước đây Luật này phụ nhà Hán, đầu hàng Hung Nô, may được đại ân, ban cho tước vương, chỉ huy cả vạn người, ngựa bò di sơn, phú quý như vậy đó. Ngày nay, ngài chịu hàng, sau này sẽ cũng như vậy. Không phải mai một tấm thân, ai còn biết đến”. Tô Vũ không chịu, Vệ Luật nói tiếp: “Ngài vì tôi hàng, tôi là anh em với ngài, nếu không nghe kế của tôi, ngày sau muốn gặp lại tôi sao được?” Tô Vũ mắng Vệ Luật: “Mày làm bày tôi mà không nhớ ơn vua, phản chủ, trở mặt với bà con ruột thịt, qui hàng quân giặc man di mọi rợ, vì sao ta muốn gặp ngươi? Vả lại, Thiên Vu tin mày cho mày quyết định sự sống chết của người khác, không bình tĩnh giữ tâm chính trực, trái lại muốn 2 chúa đánh nhau, thì chỉ nhìn thấy bại họa. Nước Nam Việt giết sứ giả của nhà Hán, bị chiếm 9 quận, Uyển vương giết sứ nhà Hán, bị treo đầu cửa Bắc, Triều Tiễn giết sứ nhà Hán bị tru diệt; Hung Nô không tránh được đâu. Nếu như ta không hàng, muốn khiến hai nước đánh nhau, thì cái họa của Hung Nô bắt đầu từ cái chết của ta đây”. Vệ Luật biết không thể uy hiếp Tô Vũ được, tâu lên Thiên Vu. Thiên Vu càng muốn dụ hàng Tô Vũ cho được, bèn cho nhốt Tô Vũ dưới hầm tối không cho ăn uống.

Trời đổ mưa tuyết, Tô Vũ nằm trên nền tuyết lạnh, đắp tấm chăn lông thú, mấy ngày không chết, Người Hung Nô cho là thần, bèn đày Tô Vũ đến miền Hải Thượng hoang vu phía Bắc lạnh cóng, không một bóng người, bắt chăn dê, ra lệnh: “Bao giờ dê có sữa thì mới được trở về”. Tô Vũ đến Hải Thượng, không có lương thực, bắt chuột nướng ăn với rau rừng, cầm gậy chặn

dê, ngũ dật là theo quản lý đàn dê, chiếc áo lông đã tả tội. Thiên Vu sai Lý Lăng đến Hải Thượng làm tiệc tổ chức ca múa chiêu đãi Tô Vũ. Nhân đó nói với Tô Vũ rằng: “Thiên Vu nghe nói Lăng này với Tử Khanh giao tình thâm hậu, nên cử Lăng này đến thuyết phục túc hạ, hết lòng muốn đãi ngộ, nếu cuối cùng không được về, tự chịu khổ sở nơi không có người, thì làm sao tỏ được tín nghĩa? Về sau thì Thái phu nhân bất hạnh, vợ Tử Khanh còn trẻ, nghe nói đã tái giá rồi. Chỉ có ba người em, hai gái một trai, nay đã qua hơn 10 năm, sự còn mất không biết như thế nào. Đòi người như hạt sương buổi sớm mai, cứ phải chịu khổ lâu đến như thế làm gì! Khi Lăng mới đầu hàng, người hoảng hốt như thằng điên, đau đớn mà phải phụ nhà Hán, mẹ già ở nhà chịu khổ nhục. Tử Khanh không muốn hàng, sao lại không nhìn qua Lý Lăng này? Vả lại bệ hạ tuổi đã cao, pháp lệnh vô định, đại thần vô tội, bị giết cả vài chục nhà, không thể biết được an hay nguy, còn ai mà theo nữa? Mong ông nghe theo kế của Lăng này.

Tô Vũ nói: “cha con Vũ này không có công đức, đều được vua nâng đỡ, ban chức tướng, ban tước hầu, anh em thân cận, thường nguyện đem gan óc rải đất, hy sinh thân nay để báo đền, Tuy mong đem cờ mao búa diệt đến nơi đầu sông nước bồng để đền ơn vua. Bầy tôi thờ vua, giống như con thờ cha, cha mất thì con đau khổ vô hạn, mong đừng khuyên ta đầu hàng nữa”. Lý Lăng tiệc rượu chuyện trò với Tô Vũ mấy ngày, sau cùng nói: “Tử Khanh nên nghe lời tôi” Tô Vũ nói: “Vũ này tự cho mình đã chết từ lâu rồi, Thiên Vu muốn Vũ này quy hàng. xin vui cùng ông một ngày này thôi, có chết cũng cam lòng!”. Lý Lăng biết không thể dụ được Tô Vũ, cất tiếng than: “Ôi! Nghĩa sĩ!, Lăng này với Vệ Luật có tội với nước Hán”. Lý Lăng khóc nước mắt ướt khăn, từ biệt Tô Vũ. Tô Vũ ở nước Hung Nô 19 năm, khi đi thì mạnh khỏe cường tráng, khi về râu tóc bạc trắng. Tại Hung Nô hay tin vua Hán băng hà, Tô Vũ hướng về Nam ngày đêm gào khóc đến thổ huyết. Mấy tháng sau thì bỗng được trở về

nước Hán. Vào niên hiệu Cam Lộ vua Hán Tuyên đế, Thiên Vu lần đầu tiên đi qua Hán châu vua mới. Vua Hán tiếp đãi thân mật, rồi cho họa hình nơi gác Kỳ Lân, ghi rõ họ tên quan tước. Chỉ có hình vẽ Hoắc Quang thì không đề tên, chỉ đề rằng quan Đại tư mã Đại tướng quân Bác Lục hầu họ Hoắc, còn các vị khác thì đủ họ tên như Vệ tướng quân Phó Bình hầu Trương An Thế, Xa kỵ tướng quân Long Ngạch hầu Hàn Tăng, Hậu tướng quân Doanh Bình hầu Triệu Sung Quốc, Thừa tướng Cao Bình hầu Ngụy Tương, Thừa tướng Bác Dương hầu Bính Cát, Ngự sử đại phu Kiến Bình hầu Đỗ Duyên Niên, Tông chính Dương Thành hầu Lưu Đức, Thiếu phủ Lương Khâu Hạ, Thái tử thái truyền Tiêu Vọng Chi, Diển thuộc quốc Tô Vũ. Họ đều có công đức, vang danh đương thời, nên xứng đáng được biểu dương, có công phò tá triều đình Các công thần nổi tiếng phò tá thời trung hưng, như Trọng sơn Phủ, cả thảy 11 vị.

HÀN AN QUỐC

Hàn An Quốc tự Trường Nhu, người châu Lương, làm chức Ngự sử đại phu. Bấy giờ nước Hung Nô xin hòa với nước Hán, vua họp quần thần bàn luận, quan Đại hành là Vương Khôi tâu: “Nhà Hán ta với nước Hung Nô thân nhau sống chung hòa bình, nhưng chưa được mấy năm thì bội ước, không giữ cam kết đem quân tấn công ta”. An Quốc nói: “Đem quân đi ngàn dặm đánh giặc, thì việc quân rất thất lợi. Ngày nay Hung Nô ỷ vào quân mã của mình sung túc, ôm lòng chim thú, thay lòng đổi dạ, khó mà không chế. Chúng có miền đất không đủ rộng lớn, dân của họ không đủ mạnh. Từ xưa nước Hung Nô không thuộc nhà Hán. Đi xa mấy ngàn dặm để tranh lợi, thì người ngựa mỏi mệt, quân địch thừa thế ấy tấn công thì quân ta bị nguy. Thần cho rằng không gì hay hơn là hòa nghị với họ”. Quần thần đa số ủng hộ kế sách của An Quốc, nên khi ấy nhà vua chủ trương hòa thân. Năm sau, quan coi ải Nhạn môn mã áp là Đại hành Vương Khôi nói:

“Hung Nô ban đầu hòa thuận thân tín, có thể dùng lợi để vỗ yên họ, nhưng họ vẫn phục kích quân ta nơi biên giới, phá đường đi lại”. Nhà vua họp công khanh nói: “Trẫm vẫn khuyến khích con trai con gái gả cho Thiên Vu, tặng quà vàng lụa châu báu rất trọng hậu, nhưng Thiên Vu không thiết tình lúc thế này lúc thế nọ, không bỏ thói cướp bóc, làm rối miền biên giới, trẫm rất lo lắng, muốn cử quân đi đánh dẹp liệu có nên không?”. Đại hành Vương Khôi tâu: “Tuy bệ hạ chưa nói ra, thần nguyện ra sức phò vua phò nước. Thần nghe thời Toàn đại, phía bắc có người Hồ là kẻ địch mạnh, bên trong liên kết binh lính Trung Quốc, nhưng còn được nuôi người già, chăm trẻ nhỏ, kho đụn thường đầy ắp, thì quân Hung Nô không khinh mạn xâm lấn vậy. Ngày nay dùng cái uy của bệ hạ, cả nước thành một khối, lại khiến con em ra sức giữ biên giới, chuẩn bị đầy đủ gạo mắm dầu đèn, nhưng Hung Nô vẫn xâm lấn cướp bóc không dứt. Không có giặc Hung Nô thì chẳng còn gì phải lo nữa. Thần trộm nghĩ ta nên cử binh đánh thôi”. Hàn An Quốc nói: “Không đúng, thần nghe Cao hoàng đế thường bị vây ở Bình Thành, suốt 7 ngày không có cái ăn, thiên hạ ca ngợi, giải vây trở về, mà không có lòng phần nộ. Phàm bậc thánh nhân lấy thiên hạ làm thước đo lòng người, không lấy cái giận riêng tư mà làm thương tổn công lao của thiên hạ. Thế cho nên vua mới sai Lưu Kính đem ngàn cân vàng để kết hòa thân, khiến cho đến nay suốt 5 đời lợi thế. Hiếu Văn hoàng đế lại thường một lòng ủng hộ quân đội, tụ tập giương oai vũ lực, nhưng chẳng đem một tác công lao gì. Mà dân đen trong thiên hạ không ai không lo lắng. Vua Hiếu Văn thao thức việc binh đao không thể nghỉ ngơi, nên lại phải giao ước hòa thân giữa hai nước. Dấu tích hay Thánh vương ấy đủ để đem lại hiệu quả vậy. Thần trộm nghĩ là không nên gây chiến tranh”.

Vương Khôi nói: “Không đúng, thần nghe rằng, thời Ngũ đế không triều nào noi theo lễ, thời Tam vương không triều nào dùng nhạc, không phải nguyên nhân đưa đến phản loạn vậy. Mỗi vua đều thích nghỉ ngơi thời thế. Vả lại, đức Cao đế nhà Hán ta sở dĩ

không báo mối hận Bình Thành, không phải vì sức không làm nổi, mà vì tấm lòng nhân hậu muốn thiên hạ được nghỉ ngơi. Ngày nay tình hình biên cảnh mấy lần rối loạn, quân tướng lớp chết lớp bị thương tật, trong nước nhìn các áo quan đưa về mà đau lòng, thần nói đánh mới đúng”. Hàn An Quốc nói: “Không đúng, thần nghe rằng “Đổi nghề làm dù có lợi gấp mười cũng không đổi nghề, công việc khác đem lại lợi gấp trăm cũng không nên thay đổi”. Và lại từ thời Tam đại thịnh trị, các rợ Di Địch đã không chính thức thần phục nhà Hán, không uy lực không thể khống chế, cưỡng ép không thể phục, quan ở nơi phương xa đất hoang không thể thu phục, chúng không đủ làm phiên giữa nước, nên đánh. Nay quân Hung Nô ngang bướng hỗn láo gây tình hình khẩn cấp, đến như luồng gió chướng, rồi qua đi như luồng điện xẹt, chỉ như đuổi con thú trốn trong bụi cỏ, cư trú bất thường, khó mà khống chế, khiến cho dân vùng biên cày cấy dật may không được đều đặn liên tục, tình thế ấy không thể như các làng mạc trong nước được. Thần cho rằng không nên đánh”. Vương Khôi nói: “Không đúng, thần nghe rằng chim phượng hoàng bay nương theo gió, bậc thánh nhân thì theo thời. Ngày xưa vua Tần Mục công dựng kinh đô nơi đất Ung, rộng ba trăm dặm, biết sự biến đổi theo thời nghi, tấn công phòng thủ với rợ Tây Nhung, mở rộng đất cả ngàn dặm. Đến thời nhà Tần, tướng Mông Điềm xâm lấn nước của người Hồ, mở rộng thêm ngàn dặm nữa, lấy sông làm ranh giới, người Hung Nô không dám cho ngựa uống nước nơi sông ấy. Phàm đời Hung Nô chỉ có thể dùng uy phục, không có thể nhân từ dung dưỡng. Ngày nay lấy uy vũ của Trung Quốc, dùng của cải gấp vạn lần, khiến một phần trăm để đánh Hung Nô. Cho nên thần cho rằng đánh là đúng”. Hàn An Quốc nói: “Không đúng. thần nghe rằng, việc dụng binh, lấy quân no đánh quân đói, làm chính trị phải đợi khi nước địch rối loạn, an định buông xả là đợi quân địch mệt. Cho nên tiếp binh che dân, phạt nước đoạt thành,ngồi mà xem nước địch biến đổi, đó là cách dụng binh của các bậc thánh nhân.

Vả lại thần nghe rằng “Khi gió yếu, không nên tung lông vũ; đặt mũi tên nơi cuối cây nỏ mạnh, bắn ra mũi tên không xuyên qua nổi tấm lụa mỏng.

Đại phàm trong thịnh có suy cũng như sau buổi sáng liền có buổi chiều. Ngày nay ra quân mà không khảo sát kỹ thì khi vào đất của người ta là bị đánh đuổi chạy không kịp, rất khó thành công, bức hiếp lính làm theo thì lo nổi lương thực thiếu hụt, làm từ từ thì chưa đến ngàn dặm, người ngựa thiếu ăn. Binh pháp viết rằng: “di nhân hoạch dã”. ý bảo có sự ràng buộc để giữ họ, thì thần không biết được. Không như vậy thì chưa thấy cái lợi của sự thâm nhập. Cho nên thần cho rằng không nên đánh”. Vương Khôi nói: “Không đúng. Phàm cây cỏ gặp mùa có sương, không cần nhờ đến gió thổi, mặt nước trong như tấm kiếng sạch thì không giấu được hình ảnh phản chiếu; Kẻ sĩ thông minh, không có thể viết bậy. Ngày nay, thần bàn nên đánh, quyết không phải phát quân đánh mà là chờ chúng thâm nhập, sẽ đúng ý đồ của Thiên Vu muốn xâm lấn biên giới nước ta. Ta tuyển tráng sĩ phiêu kỵ, mai phục nơi hiểm trở, thế của ta dọ định, đóng quân hoặc bên trái hoặc bên phải, hoặc đương đầu phía trước hoặc chặn phía sau, thì có thể bắt sống Thiên Vu, đại thắng hoàn toàn”. Vua nói: “Hay lắm”, rồi theo mưu kế của Vương Khôi, âm thầm dùng Niếp Nhất làm trung gian, bỏ trốn sang nước Hung Nô, tâu lên Thiên Vu rằng ‘Tôi có thể giết tướng quản lý thành Mã Ấp đoạt hết của cải rồi quy hàng’. Thiên Vu tin và hứa hẹn với Niếp Nhất. Niếp Nhất giả chém đầu tù nhân, bêu lên rêu rao là đầu của tướng Mã Ấp. Người của Thiên Vu báo lên, Thiên Vu tập hợp mười vạn kỵ binh rùng rùng kéo nhau vượt biên vào miền biên tái Vũ Châu. Bấy giờ quân Hán hơn ba mươi vạn, núp trong các hang động ở Mã Ấp chờ đánh phủ đầu quân Hung Nô. Thiên Vu dẫn quân nhập tái, chưa đến Mã Ấp, còn cách hơn trăm dặm, bỗng cảm thấy không an tâm bèn cho quân lui về. Chư tướng nhà Hán bị hụt, không lập được công lao, Vương Khôi tự sát.

ĐỒNG TRỌNG THU

Đồng Trọng Thu, người Quảng Xuyên, rất chăm học, thường phủ màn đọc sách, ba năm không nhìn ra vườn. Về việc tiến cử hiền lương, vua Hán Vũ đế ban tờ chế hỏi: “Nghe rằng đạo ở thời Ngũ đế Tam vương, cải chế tấu nhạc, mà thiên hạ hòa hiệp, trăm vua cùng như vậy. Thánh vương đã mất, tiếng chuông trống đàn sáo chưa suy, mà đại đạo đã sụp đổ rồi, đến như hành vi của vua Kiệt, vua Trụ thật là bại hoại. Phàm trong vòng 500 năm, vua thì bảo thủ văn, kẻ sĩ thì đương thời tô vẽ, muốn theo pháp chế của tiên vương được đông đảo nhân dân ở đời tuân thủ, nhưng vì không có khả năng quay trở lại thời ấy mà ngày càng bị mất đi, để về sau đến đời vua sau thì hết, há dai dẳng kéo cho đến hết mỗi ràng buộc thì mới hết ư? Trời giáng mệnh là xong, không thể thay đổi được đâu! Ban ngày thức, ban đêm ngủ, là chuyện thường có từ thời thượng cổ, lại cho là vô bổ hay sao? Thụ mệnh như thời Tam đại, liệu có phù hợp hay chăng? Vì sao xảy ra biến đổi của tai họa? Tính mệnh con người có thọ có yếu, có nhân từ có gian tà bỉ lậu, nghe nhiều tiếng nói mà chưa rõ sự tính, muốn làm sao với hình phạt nhẹ mà kẻ gian tà chịu cải hóa, nhân dân vui sướng hòa bình, việc cai trị được khen là tốt, sửa chi khoe chi, mà sương móc nhuần thấm cho mùa màng bội thu. Đạo đức thấm nhuần tứ hải, nhuần thấm cây cỏ, ba thứ ánh sáng rọi đủ, nóng lạnh đều đặn, được trời giúp đỡ, được hưởng linh khí của quỷ thần, đạo đức nhuận thấm bốn biển, lan tỏa ra tới nước ngoài, thấm khắp mọi sinh linh. Sĩ đại phu sáng suốt luận bàn cùng trăm, không nên giấu trăm”. Đồng Trọng Thu đáp: “Bệ hạ nói ra tiếng nói nhân đức, ban chiếu ra, cầu mệnh trời và lòng người, vượt quá khả năng của ngu thần. Thần xem kỹ trong sách “Xuân thu” thấy rằng những việc mà đời trước làm, để xét đến ranh giới giữa con người với trời thì rất lo sợ. Quốc gia nên đem sự thất bại, mà trước đây trời đã ra tai họa để trách

phật. Không biết tự xét mình lại còn làm chuyện quái dị để dọa người; Hãy còn không biết biến đổi thì lãnh chịu thất bại đau thương. Để thấy lòng nhân ái hợp với lòng trời của vua mà muốn dẹp loạn. Kể từ khi đời sống con người chưa có đạo lý, trời muốn hết lòng phù trì cho chu toàn an ổn ở sự gắng gỏi trong mọi việc. Gắng gỏi học vấn, thì nghe thấy nhiều, trí óc sáng suốt mở mang; gắng gỏi hành đạo thì tài đức càng cao, ngày càng lập được nhiều công lao. Các điều đó đều còn phải có được công hiệu. Phàm nhà vua không ai không muốn làm vua lâu dài trong một xã hội an định, không xảy ra nguy vong, nhưng khi chính trị hỗn loạn, đất nước lâm nguy rất nguy kịch rồi, tìm người đứng ra ổn định thì không có ai, và nguyên do thì cũng không biết rõ. Phàm khi đạo nhà Chu suy yếu thời vua U vương vua Lệ vương, đạo không phải mất, cũng không phải do vua U vương vua Lệ vương. Đến thời vua Chu Tuyên vương, nghĩ về cái đức của tiên vương hồi xưa, phục hưng đạo nhà Chu sáng trưng, ngày đêm không tan, hành thiện đến nơi đến chốn. Đức Khổng Tử bảo “ Người có thể mở mang đạo, chứ không phải đạo mở mang người”. Cho nên đời yên trị hay hỗn loạn, hưng thịnh hay suy phế đều tự ta cả, không phải vì cho rằng trời giáng mệnh thì phải chịu vì không thể cãi mệnh trời. Cho đến các đời sau, dân dật suy vi, chư hầu phản nghịch, bỏ sự nghiệp đức giáo mà chuộng thi hành hình phạt. Hình phạt không trúng thì gian tà nảy sinh, tà khí chứa ở bên dưới khiến trên dưới nghịch nhau, âm dương bất hòa thì sản sinh yêu nghiệt.

Đó là cái duyên làm sản sinh tai ương biến dị. Cho nên vua Nghiêu, vua Thuấn dùng đức hóa thì nhân dân có đức nhân mà sống thọ; còn vua Kiệt vua Trụ hành động bạo ngược thì nhân dân hèn hạ mà chết yểu. Phàm người trên giáo hóa kẻ dưới, kẻ dưới nghe lời người trên, phải như bùn ở khuôn chỉ để làm thành bình; như kim loại nấu chảy chỉ là một hỗn hợp đem đổ vào khuôn đúc thành đồ vật, đúng là “Yên để đến gần; động để hòa hợp” như vậy. Cái lớn của thiên đạo ở nơi âm

dương, dương là đức giáo, âm là hình phạt. Hình phạt chủ yếu là giết chết, còn đức giáo chủ yếu là sinh sôi. Cho nên dương thường nằm ở giữa mùa hạ, là việc sinh dục nuôi lớn. Âm thường nằm vào giữa mùa đông mà chứa đựng ở nơi không có gì dùng được. Như thế cho thấy trời tín nhiệm đức hóa, không tín nhiệm hình phạt. Trời sử dụng dương ban rải ở trên mà chủ yếu tuế công, khiến âm nhập vào ở dưới mà đến thời ra giúp dương. Dương không được âm phụ trợ, cũng không thể một mình tạo thành năm. Bậc vương giả cai trị nhân dân dựa theo ý trời, cho nên tín nhiệm đức giáo mà không tín nhiệm hình phạt. Hình phạt không được ưa dùng trong cai trị, cũng như âm không được ưa dùng để thành năm. Chính trị mà dùng đến hình phạt, thì không thuận ý trời, cho nên tiên vương không ưa dùng. Ngày nay, bỏ chức quan chấp đức giáo của tiên vương, mà riêng sử dụng quan chấp pháp trị dân, là không tín nhiệm hình pháp đấy ư! Khổng Tử nói: “Không giáo dục cho người ta mà giết người ta, gọi là bạo ngược”. Chính sách bạo ngược dùng cho kẻ dưới, mà muốn phủ khắp đức giáo cho khắp bốn biển, thì khó mà thành tựu. Thế nên, làm một bậc minh quân, phải chính tâm để chinh đốn triều đình, chinh đốn triều đình tức là chinh đốn trăm quan, chinh trăm quan thì chinh được vạn dân, chinh vạn dân tức là chinh được con người bốn phương. Tứ phương chính, thì xa gần không thể không chính, trong đó không có vụ việc gian trá, không có kẻ gian tà. Đó là thời gió hòa mưa thuận, âm dương điều hòa. Mọi sinh vật hòa thuận thì vạn dân sinh sôi, trưởng thành. Giữa khoảng trời đất được thấm nhuần mà tốt tươi cao to, trong bốn biển nghe đầy tiếng đạo đức mà đều tìm đến xin làm thần tử, các vật có phước đem đến tin lành, vương đạo đem lại không gì không có. Đức Khổng Tử gọi: “Chim phượng hoàng không bay đến, sông hà không hiện mai rùa, ta đã biết vậy!” Tự thấy buồn có thể sắp đặt các vật này, mà thân kém cỏi không thể sắp xếp được vậy. Ngày nay bề hạ ngồi ở vị trí sắp xếp được, nắm giữ thế mạnh, lại có thể sắp đặt của cải, nhưng trời đất chưa ứng thuận,

điềm tốt không đến, là tại sao vậy? Phàm dân theo cái lợi, như nước chảy từ cao xuống thấp, chẳng lấy giáo hóa làm đê ngăn, thì không thể dừng lại được vậy.

Cho nên sự nghiệp giáo hóa được thành lập, thì gian tà đều chấm dứt, mà đê ngăn giáo hóa được toàn vẹn. Nếu sự nghiệp giáo hóa bị bỏ phế, gian tà nổi lên, hình phạt không thể kiềm chế, thì đê ngăn ấy sẽ vỡ. Các bậc vương giả ngày xưa không ai là không xem giáo hóa là sự nghiệp vĩ đại. lập đại học để dạy dỗ quốc dân, thiết lập trường học tại làng thôn để giáo hóa nhân dân, dần dần từng bước rèn dạy đức nhân, luyện chữ nghĩa cho nhân dân. dùng lễ để tiết chế dân, nên dùng hình phạt rất nhẹ, cấm không để vi phạm, việc giáo hóa làm cho phong tục nhân dân ngày một tốt lên. Các bậc thánh vương kế tiếp đời loạn, đã dẹp hết các dấu tích của nó, khôi phục tu bổ khiến cho giáo hóa được tôn sùng khởi lại. Giáo hóa đã sáng tỏ, đã hình thành tập tục, con cháu noi theo, suốt năm sáu trăm năm, vẫn chưa suy bại. Nhà Chu đến thời kỳ cuối cùng, cực kỳ vô đạo nên đã để mất thiên hạ. Nhà Tần thay nhà Chu, thống lĩnh thiên hạ, không có khả năng cải tiến, lại càng vô đạo hơn, trọng cấm văn học, xóa hết lễ nghi, tiêu diệt hết đạo học của tiên thánh, tự ý phóng túng chính sách hà khắc, nên chỉ trong vòng 14 năm, nhà Tần sụp đổ tiêu vong. Từ xưa đến nay, chưa từng có tình cảnh loạn tiếp loạn, tàn hại nhân dân như triều đại nhà Tần. Độc hại từ nhà Tần đến nay vẫn chưa chấm dứt hẳn. Ngày nay nhà Hán kế tiếp nhà Tần, như dùng gỗ mục đất bờ làm tường nhà vậy, Tuy muốn an trị, sao có thể làm được. Pháp luật ra đời thì gian tà sinh sôi, lệnh xuống thì gian trá khởi lên, như dùng nước sôi làm nguội nước sôi, dùng củi chữa cháy, rất là vô ích. Trộm ví như đàn cầm đàn sắt, cầm sắt không điều hòa, thì ắt phải mở ra sửa lại, mới đánh được. làm chính trị mà không thi hành, thật sự ắt phải biến hóa mới hợp lý được. Đáng phải cải mở sửa sang mà không cải mở sửa sang làm, thì tuy có thợ giỏi, cũng không thể làm tốt. Đáng phải cải cách hóa mà không cải cách hóa, thì tuy có bậc đại hiền, cũng

không thể cai trị tốt. Cho nên từ khi nhà Hán được cả thiên hạ đến nay, thường muốn cai trị tốt, mà đến nay, chẳng thấy chính trị tốt, thua ở chỗ đáng phải cải cách hóa mà không cải cách hóa. Người xưa có nói: “Xuống sông tìm cá, không bằng trở về đan lưới”. Ngày nay làm chính trị mà mong được yên trị, mong mãi hơn 70 năm rồi, không bằng cải cách hóa. Cải cách hóa thì khéo trị; khéo trị thì những sự tai hại ngày càng ít đi, phước lộc ngày càng đến. Phàm đạo “ngũ thường” nhân nghĩa lễ trí tín là đồ trang sức của bậc vương giả. Năm món trang sức ấy, đem lại nhiều sự phù trợ, cho nên trời giúp, và hưởng cái linh của quỷ, đạo đức ban ra bên ngoài, thâm nhuần đến mọi sinh linh”.

Thiên tử xem xét lời tâu rất lấy làm lạ, ban chế bảo rằng: “Nghe nói thời xưa, vua Ngu Thuấn cai trị thông thả mà thiên hạ thái bình. Từ thời vua Chu Văn vương đến nay, làm việc đến quá giờ không kịp cơm nước nghỉ ngơi mà nhân dân cũng được yên trị. Phàm đạo của các bậc đế vương, há lại không cùng nhau thông đồng hay sao? Sao lại có khỏe có nhọc khác nhau? Người nhà Ân dùng ngũ hình để trừ gian, gây thương tổn cho gân da để trừng trị kẻ ác. Thời Thành vương, Khang vương nhà Chu không có cách gì, hơn bốn mươi năm mà nhân dân trong thiên hạ không phạm pháp, nhà giam để trống, nhà Tàn mới dùng đến, xử tội tử rất nhiều, tội hình sự vô số kể, Ngày đêm trầm suy nghĩ, chỉ có hiến chương của các bậc đế vương trước kia, đánh nhau kịch liệt, không coi trọng đạo đức, nên chưa thể nói là đạt. Ngày nay, âm dương thác loạn, quần sinh ít được toại nguyện, liên si lộn xộn, người hiền đức lẫn lộn với bọn bất hiếu, không được chân thực, chỉ rõ cho trầm sách lược cai trị “. Đồng Trọng Thư nói: “Thần nghe rằng vua Nghiêu nhận mệnh vì nỗi lo của thiên hạ, mà chưa từng nghe sung sướng với vị trí làm vua cho nên mãi lo giết đuổi bọn loạn thần, cầu tìm bậc hiền thánh, là để thi hành rộng lớn giáo hóa, mà thiên hạ hòa hiệp. Ông Ngu Thuấn nhờ làm phụ tá cho vua Nghiêu, rồi sau đó kế nghiệp, thì thông thả vô vi mà thiên

hạ an trị. Đức Khổng Tử khen: “Thật tốt đẹp thay”. Đền thờ vua Trụ nhà Ân, nghịch với trời, tàn bạo với người, giết người hiền trí, thiên hạ loạn lạc, vạn dân lo âu, Văn vương thuận theo trời, nắm vững mọi chuyện, đau đớn trong lòng muốn cho nước yên, nên ăn không ngon ngủ không yên. Từ đó thấy rằng, công việc của đế vương giống nhau, nhưng làm thì có vị ung dung, có vị phải lao tâm khổ tứ, gặp thời vận khác nhau. Bệ hạ xót thương cuộc đời khó khăn, đau khổ vì vương đạo không được tuyên dương, cử những kẻ sĩ hiền lương phương chính, bàn luận việc nghĩa, tham khảo vì muốn đề cao đạo đức nhân nghĩa, áp dụng pháp chế của các bậc đế vương, kiến tạo cái đạo thái bình. Bỏ nhiệm chức vụ Tam công, Cử khanh cho các vị đại thần tài đức phụ tá, là những vị mà Trọng Thư này không so bì được. Tuy nhiên thần trộm lấy làm lạ, phạm thiên hạ thời cổ, cũng như thiên hạ ngày nay, tức thiên hạ chung, xưa dùng đại trị, trên dưới hòa mục, người ta cứ làm những việc. dù vua chưa ra lệnh, người ta không bao giờ làm những gì biết là vua sẽ cấm trước khi vua ra lệnh cấm. Quan lại không gian tà, nhà tù trống không, đạo đức thấm nhuần đến cây cỏ, ân trạch ban bố khắp cả tứ hải, lấy xưa mà so với nay, thiên hạ là một sao cách xa nhau không theo kịp vậy! Sao không hết giả dối, mà cứ tàn nát như vậy? Ý cho rằng những gì của đạo lý cổ xưa đã mất đi chăng? Thiên lý bị trái khuấy rồi ư? Phạm trời cũng có chỗ phân cho khác nhau, cho người trên thì bỏ kẻ dưới, cho sức bay thì phải đủ hai cánh, tức là nên nhận lấy cái lớn, thì không được nhận lấy cái nhỏ. Người xưa nhận lộc, không hưởng quá sức làm, không đụng đến cái ngọn, cũng là nhận được cái lớn, không được nhận lấy cái nhỏ. Phạm nhận lấy cái lớn, còn nhận lấy cái nhỏ, thì trời không thể đủ, huống chi là con người! Đó là lý do dân tình kêu ca khổ mãi không dứt vậy.

Thân được nhà vua sung ban cấp cho địa vị cao, cả nhà được hưởng bổng lộc hậu hĩnh, vì thừa hưởng của cải phú quý, cấp dưới chuyên tính toán tranh lợi với nhân dân, thì dân đâu có thể ở

yên được? Cho nên, cướp lấy sản nghiệp tích cóp của họ, o ép dân thì dân sẽ cùng khổ. Người giàu tiêu xài xa xỉ phung phí, kẻ nghèo cùng khốn sâu khổ mà nhà vua không cứu giúp, thì nhân dân không thể vui sống được. Nhân dân không đủ sống, nếu không chết đói thì phải phạm tội mà thôi. Đến hoàn cảnh ấy thì hình phạt dùng để trói buộc kẻ gian tà không mấy tác dụng. Thế cho nên nhà nào được hưởng lộc, thì chỉ nên hưởng lộc mà thôi, không tranh nghiệp với nhân dân để rồi sau đó lợi nhuận phân bố đồng đều. thì nhà nhà đều no đủ cả. Đó là cái lý của trời cao, là đạo từ thời thái cổ, pháp chế của thiên tử mới thích nghi, đại phạm ngày nay phải theo đó mà hành xử. Thế cho nên thầy Công Nghi giận đuổi người vợ ra khỏi nhà, giận nhổ bụi rau quý nói “Ta đã hưởng lộc, lại chiếm đoạt vườn, công chồng mà của vợ đó ư! Các bậc hiền nhân quân tử ngày xưa đổi các vị trí cũng như thế, vì hạ thấp để cao đức hạnh mình khiến mọi người theo mình giáo hóa, khi dân đã được giáo hóa liêm chính, không còn tham lam đề hèn nữa, Vì vậy kinh Thi có câu: “Hách hách sư doãn, dân cụ nhĩ chiêm” (Quan Doãn Thái sư hiền hách, dân chúng đều trông vào ngài cả). Từ đó cho thấy rằng người dân nhìn mà học theo các quan Đại phu của nhà vua, há một người đang ở địa vị hiền nhân mà hành vi như của kẻ thứ nhân đó sao! Người ta nhao nhao cầu tài lợi thường lo không đầy rương, là ý của người dân; Người ta cầu nhân nghĩa, thường lo dân không thể giáo hóa được, đó là ý của giới đại phu. Kinh Dịch có câu rằng “gồng gánh rồi cười sẽ dẫn cướp đến”. Cười xe là vị trí của bậc quân tử, gồng gánh mang vác là việc của kẻ tiểu nhân. Đó là lời nói về vị trí của người quân tử, hành động như kẻ tiểu nhân, thì họa hoạn chắc sẽ ập tới”.

QUẢN THƯ TRỊ YẾU

QUYỂN 18

*Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam thần Ngụy Trưng vâng lệnh vua Đường
Thái Tông cùng biên soạn*

HÁN THƯ (6)

TRUYỆN

TƯ MÃ TƯƠNG NHƯ

Tư Mã Tương Như, tự Trường Khanh, người Thục quận, làm chức Lang, thường tùy tùng vua đi săn ở Trường Dương. Bảy giờ, nhà vua thường ham tự tay đâm gấu rừng, heo rừng. đích thân đuổi theo thú hoang. Vì thế, Tư Mã Tương Như can vua, tâu rằng: “Thần nghe vật có đồng loại, mà khả năng thì khác, cho nên người có sức mạnh có Ô Hoạch, đối đáp nhanh có công tử Khánh Ky, vũ dũng có Mạnh Bí, Hạ Dục. Ngu thần trộm nghĩ rằng con người ai cũng ham sống, thì loài thú cũng như vậy, Ngày nay bệ hạ ham mê lao mình vào nguy hiểm, bắn mãnh thú, nếu chẳng may đụng phải con thú hung dữ, bị dí đến đường cùng, nó liều chết chống cự, có khi xúc phạm đến con người của bệ hạ, thì hại cho triều đình rất nghiêm trọng. Con người cứ tin là mình giỏi, tuy giỏi như Ô Hoạch, Phùng Mông, thì sức cũng không dùng đến được, cây khô, gốc mục, khó mà tận dụng vậy. Là người Hồ, người Việt nổi lên từ bầu bánh xe chở vua, người

Khuông người Di như thanh gổ dựa trên xe của vua, há không nguy cơ sao chứ! Tuy vạn toàn và vô hoạn nạn, nhưng vốn không ở gần thiên tử. Phàm dọn đường rồi mới đi, dong ruổi trên đường giữa, vẫn có sự thay đổi hướng hồ lợi qua trắng cỏ tốt, đi vào nơi đồi dốc, trước có nhiều con thú, mà bên trong không có ý thay đổi thì cái hại cũng không khó đoán ra vậy! Phàm coi nhẹ sức nặng của vạn cổ xe thì đừng tưởng là an vui được, lúc nào cũng gặp nguy hiểm. Thần trộm cho rằng bệ hạ không quan tâm. Người sáng suốt có tầm nhìn xa, thấy được những gì khi còn chưa nảy mầm, biết được cái nguy khi chưa thành hình; cái họa phần nhiều nhỏ nhất ẩn tàng mà sẽ bộc phát khi người xao lãng. Cho nên Ngạn ngữ dân gian có câu: “Nhà chất ngàn vàng, tự nhiên không rót vào nhà” Lời ấy tuy nhỏ nhưng có thể gây nên những cuộc bàn luận to. Thần mong bệ hạ lưu ý xem xét”. Nhà vua khen ngợi lời can tốt.

CÔNG TÔN HOÀNG

Công Tôn Hoàng, người Truy Xuyên. Nhà nghèo, làm việc chăn thả gia súc. Khi vua Hán Vũ đế mới lên ngôi, Công Tôn Hoàng đã tới tuổi 60, ra đề thi đối sách tuyển người tài đức (hiền lương). Vũ đế ban chế bảo rằng: “Ta nghe rằng thời thượng cổ rất yên trị, vẽ kiểu áo mào, mỗi hạng người mỗi khác nhau, mà dân không vi phạm, âm dương điều hòa, ngũ cốc được mùa, gia súc dồi dào, trời giáng cam lộ, mưa gió theo mùa đều đặn, được mùa lúa bội thu, sinh sôi loại cỏ màu đỏ, không có núi trọc, đầm ao không cạn nước, kỳ lân, chim phượng xuất hiện nơi ngoại thành, loài rùa, loài rồng bơi lội trong ao hồ, sông Hà sông Lạc hiện đồ thư, cha con anh em sum vầy vui vẻ; xe chu xa đưa khách quý đến, dấu vết con người đi lại xôn xao, đi vội thì thờ dốc, đi đường rẽ thì mệt, lễ thường như vậy. Trẫm rất đẹp lòng, ngày nay sao đạo trời đến nổi như vậy? Nguồn gốc của đạo trời người ở đâu? Hiệu nghiệm tốt xấu như thế nào? Chỗ nào thì

thích nghi của bốn đức: Nhân - nghĩa - lễ - trí, vậy? Thuộc hệ thống chuyên nghiệp: Ghi chép về thiên văn, địa lý, nhân sự, các quan Đại phu học tập, tất cả ý kiến của họ trong hội nghị triều chính”. Công Tôn Hoảng thưa: “Thần nghe rằng, thời thượng cổ, vua Nghiêu vua Thuấn, không coi trọng việc ban thưởng mà nhân dân vui vẻ, không có hình phạt mà nhân dân không vi phạm, cung kính cai trị mà được nhân dân tin; đời mạt thế quý trọng thưởng hậu, ban phẩm tước mà dân không tin, phạm việc tưởng thưởng hậu hĩnh cho người có công, xử nặng tội kẻ phạm pháp, chưa đủ sức khuyến thiện trừng ác, nên chưa đủ cho nhân dân tin theo vậy. Tín nhiệm quan nào thì ban chức tước cho người ấy, bỏ ngoài tai những lời vô dụng thì sự tình không đi lệch; không chế tạo ra các đồ vô dụng, tức thu thuế tỉnh lược; không tước đoạt của dân thì nhân dân giàu có, dư dả; thăng tiến cho người có đức, sa thải kẻ thất đức thì triều đình có uy được tôn trọng; thăng quan cho người có công, hạ chức những kẻ vô công thì quần thần tin tưởng; phạt kẻ có tội, thì hết gian tà; thưởng cho người hiền đức là khuyến khích quần thần. Tám việc ấy, là cái gốc của việc cai trị được ổn định. Được như thế thì người dân không tranh giành nhau, không có oán hận, có lễ thì không có bạo ngược, yêu mến và gần gũi vua mình. Đó là việc cần cấp lắm vậy. Cho nên pháp chế không xa điều nghĩa thì dân phục tùng mà không xa cách; hòa mục mà không xa lễ thì dân thân gần không hung hăng, Cho nên pháp chế hình phạt đừng để mất nghĩa; tưởng thưởng cho sự hòa mục, gìn giữ lễ tiết. Nhân dân phục tùng lễ nghĩa, công bằng trong thưởng phạt thì nhân dân không vi phạm những gì ở trên cấm. Cho nên định ra áo mũ khác nhau đối với các hạng người trong xã hội, mà nhân dân đều tuân thủ không vi phạm thì đạo lý ấy đúng đắn. Thần nghe rằng ‘đồng khí tương tòng, thanh hòa tắc ứng’. Ngày nay ở trên thì nhà vua hòa đức, ở dưới thì bách tính hòa hợp, nên tâm hòa thì trời đất ứng theo mà hòa vậy. Thế cho nên, âm dương hòa, thì mưa gió thuận, sương móc rơi, ngũ cốc

tốt tươi, núi gò không trơ trụi, ao hồ không cạn, đó là cực kỳ hòa vậy. Vì vậy, cơ thể hòa thì không bệnh tật, không bệnh tật thì sống thọ không bị chết yểu, cha con anh em được sum vầy. Đức phối trời đất, nhật nguyệt tỏa sáng, kỳ lân phượng hoàng đến, rùa rồng xuất hiện trên đồng ruộng ngoại thành, rùa dâng đồ thư nơi sông Hà, sông Lạc, vua chúa các nơi xa xôi đều vui làm việc nghĩa, triều cống triều đình, đó là cực kỳ hòa vậy. Thần nghe rằng ‘Nhân là yêu mến, nghĩa là thích nghi, lễ là lộc, trí là căn nguyên của thuật’. Cố làm lợi trừ hại, khiêm ái vô tư gọi là nhân; làm rõ đúng sai, hình thành nên hư gọi là nghĩa; tiến lui phải phép phân biệt tôn ti gọi là lễ; Còn kẻ ham sát sinh, làm cho đất đai lầy lội, nắm quyền hành khinh trọng, luận bàn đạo lý được mất, đem tình hình gần xa được mất tâu lên vua gọi là thuật.

Đại phạm bốn vấn đề ấy, là gốc của sự nghiệp cai trị, là sở dụng của đạo Nho, đều đáng thực thi, không thể bỏ phế. Được các thuật chủ yếu ấy thì thiên hạ an lạc, không cần thiết lập pháp chế nữa. Nếu không đạt được các thuật ấy thì ở trên vua chúa hư tệ, ở dưới thì quan lại xô bồ hỗn loạn. Tình cảnh như thế vì ngay từ gốc của hệ thống sự nghiệp đi xuống, như vua Kiệt vua Trụ gây việc xấu ác, bị trời trách phạt; vua Võ vua Thang tích đức, được trời cho làm vua thiên hạ. Qua đó mà xét, đức trời vô tư, giáo huấn khởi từ chỗ hòa, chống lại việc làm hại sự sống. Đó là chỗ đầu nguồn của thiên văn, địa lý, nhân sự”. Tàn Hoảng làm chức Thái thường là chức nhỏ. Được vua cất nhắc phong chức Bác sĩ, đứng đầu bách quan, đãi chiếu Kim Mã môn. Về sau làm tới Thừa tướng.

BỐC THỨC

Bốc Thức, người Hà Nam. Chuyên nghề cày ruộng trồng trọt và chăn nuôi gia súc gia cầm, Khi nhà Hán bị quân Hung Nô xâm phạm, Bốc Thức dâng thư lên vua, tình nguyện hiến một nửa gia tài cho quân đội giữ biên giới. Nhà vua sai sứ đi hỏi Bốc

Thức: “Có muốn làm quan không?”. Bốc Thức nói: “Từ nhỏ chuyên việc nông tang, không quen làm quan lại, nên không thích làm quan”. Sứ giả trở về báo cáo như vậy, nhà vua cho triệu vào triều phong cho chức Trung lang, ban tước Tả Thứ trưởng, cấp ruộng mười khoảnh, bố cáo thiên hạ, tôn vinh trong nhân dân. Ban đầu, Bốc Thức không chịu làm Trung lang, nhà vua bảo: “Ta có bầy dê trong núi Thượng Lâm, ông có thể chăn đàn dê của ta”. Bốc Thức chịu làm chức Lang, áo vải, giày rom chuyên việc chăn dê. Hơn một năm sau, đàn dê mập ú. Nhà vua đến thăm đàn dê, rất hài lòng khen ngợi. Bốc Thức thưa: “Chẳng phải chỉ riêng việc chăn dê, việc cai trị xã hội cũng giống như vậy. Ăn ở theo thời, việc xấu liền hết, không khiến tan đàn”. Nhà vua cho là lời của Bốc Thức rất lạ, muốn sử dụng Bốc Thức làm quan, phong cho Bốc Thức làm Hầu Thị lệnh, Bốc Thức lại làm chức Hầu Thị tốt, lại được chuyển làm Tề vương đại truyền, chuyển làm chức Ngự sử đại phu.

Bài viết ca ngợi rằng: “Công Tôn Hoảng, Bốc Thức, Nhi Khoan, đều có tài lớn như là cánh của loài chim hồng, nhưng ban đầu cho làm chức nhỏ, lẫn lộn trong đám thường tài, khi chưa gặp thời thì làm sao có thể làm được sự nghiệp to lớn? Bấy giờ nhà Hán hưng thịnh đã hơn sáu mươi năm, thiên hạ an ổn, nhà kho sung túc mà rợ Tứ di chưa chịu khuất phục, chế độ còn khuyết điểm. Nhà vua muốn văn thịnh vừa võ mạnh, mong cầu mà chưa đạt được, ban đầu cử Bò Luân mời thỉnh Mai Sinh, gặp rồi thì than thở. Kẻ sĩ ngưỡng mộ, dị nhân đều xuất hiện. Bốc Thức cử làm việc chăn dê, mà nên sự nghiệp, Vệ Thanh xuất thân làm nô bộc, cầm quân đi đánh Hung Nô, rồi phải chịu hàng giặc, sau về với nhà Hán lập nên công to. Nhà Hán ta có những con người như vậy phò tá nên được thịnh trị. Nhà Nho tao nhã như Công Tôn Hoảng, Đồng Trọng Thư, Nhi Khoan, đốc hành như Thạch Kiến Thạch Khánh, tư chất ngay thẳng dám nói như Cáp Âm, Bốc Thức, cử hiền tài như Hàn An Quốc, Trịnh Đương Thời, định lệnh như Triệu Võ, Trương Thang, văn

chương như Tư Mã Thiên, Tư Mã Tương Như, hoạt kê như Đông Phương Sóc, Mục Cao, ứng đối như Nghiêm Trợ, Chu Mãi Thần, lịch số như Đường Đô, Lạc Hạ Hoàn, nhiếp luật như Lý Diên Niên, vận trù như Tang Tư Dương, phụng mệnh đi sứ như Trương Khiên, Tô Vũ, tướng giỏi như Vệ Thanh, Hoắc Khư Bệnh, thụ di như Hoắc Quang, Kim Nhật Đạn. Ngoài ra còn nhiều nhân vật khác không kể xiết. Đó là những nhân vật có công hưng tạo cơ nghiệp nhà Hán.

NGHIÊM TRỢ

Nghiêm Trợ, người Cối Kê, vào niên hiệu Kiến Nguyên thứ ba, người Mân Việt đem quân xâm phạm Đông Âu. Báo tin cầu cứu khẩn cấp, quan Thái Úy là Điền Phen cho rằng việc người Việt xâm phạm là chuyện thường xảy ra, phần lớn đến rồi đi, không đủ sức gây phiền cho Trung Quốc phải mất công đi cứu, thời nhà Tần bỏ không nhận cho lệ thuộc. Nghiêm Trợ hỏi vặn Điền Phen rằng: “Hoạn nạn, có lực mà không cứu, có đức mà không thể che chở, thật có khả năng, có gì bỏ không giúp? Và lại, nhà Tần mất Hàm Dương, cũng do người Việt đẩy thôi!”. Nhà vua giao cho Nghiêm Trợ chỉ huy dẫn quân đi thuyền cứu Đông Âu, cử hai vị tướng cầm quân đánh giết người Mân Việt. Hoài Nam vương Lưu An dâng thư can rằng: “Ngày nay, nghe ta xuất quân, đi đánh giết người Việt, thần Lưu An trộm xin bệ hạ thận trọng trong việc này. Người Việt là dân ở nước ngoài, cắt tóc vẽ mình, không quen tục đội mũ mặc áo của người Hán. Đất nước thịnh trị, thời Tam đại người Hồ người Việt không chịu theo chính sách, không mạnh thì không thể quy phục họ, không đủ oai thì không thể chế phục họ. Đi chinh phục giống dân không biết chăn nuôi thì chưa đủ làm phiền Trung Quốc. Từ thời Hán sơ ổn định đến nay đã 72 năm, người Ngô người Việt nhiều lần tấn công nhau, không kể xiết, các vị thiên tử nhà Hán chưa từng cử quân đến miền đất ấy. Thần nghe người Việt chưa

có làng ấp thành quách, xứ sở rừng suối hang hốc, tre trúc, giới về nghề sông nước, đa số đi lại bằng thuyền, miền đất ẩm thấp, nhiều chỗ đường thủy hiểm trở, người Trung Quốc, không rành địa thế, một người cố thủ phải có cả trăm người đánh. Nếu chiếm được miền đất ấy, không thể lập thành quận huyện; Đánh họ mà không thể giữ được. Dùng địa đồ khảo sát núi sông, các nơi hiểm yếu. Bỏ đi chẳng qua là ta bỏ số ít, cách xa ta cả trăm ngàn dặm, rừng bụi hiểm trở, không nên phí sức, thoạt nhìn thấy đơn giản mà làm thì cực kỳ khó. Người Việt mang danh là phiên thần, chăm chỉ phụng sự triều cống, không thâm nhập vào nước ta, thì không nên dùng đến một tên quân lính của mình.

Họ tự đánh với nhau, bệ hạ đem quân cứu họ là phản Trung Quốc mà vất vả chuyện của bọn man di. Người Việt ngu muội bạc bẽo, tính tình phản phúc, không theo chế độ của thiên tử, nếu cưỡng bách thì họ giữ được chế độ không quá một ngày rồi quên hết. Họ nhất định không tuân chiếu chỉ nhà vua, ta cử binh đánh giết họ, thần e rằng việc quân sự chẳng bao giờ kết thúc. Thời gian mấy năm, chúng lẫn trốn vào núi rừng hang động không thấy họ đâu mà đánh. Ngày nay đem quân đi xa hàng mấy ngàn dặm, vào miền đất của rợ Việt, việc vận chuyển lương thực, quần áo vũ khí, hoặc bằng xe cộ phải trèo đèo núi vượt sông suối, hoặc tàu thuyền, sóng gió trùng trùng nguy hiểm. vào nơi rừng núi cây cối rậm rạp, hiểm trở, đường thủy trên dưới lổm chổm, rừng núi thì rắn độc, mãnh thú, gặp mùa hạ nóng nực, thường gây bệnh nôn mửa cho lính, chưa từng có lợi trong đánh nhau, lính bị bệnh chết nhiều. Trước đây, Nam Hải vương làm phản, bệ hạ cử tướng đem quân tiến đánh, gặp phải mùa nóng mưa nhiều, chưa đụng trận mà quân chết hơn phân nửa, đón hải cốt từ xa mấy ngàn dặm trở về, cảnh cha khóc con quả phụ khóc chồng, con cô kêu gào đòi trả cha mình, tạo nên cảnh phá gia tán nghiệp, cực kỳ bi thương, kéo dài suốt nhiều năm mới dứt, các vị bô lão đến nay vẫn còn nhớ. Đó là khi ta chưa vào đến miền đất người Việt mà tai họa đã như thế.

Thần nghe sau một cuộc chiến là đến những năm rất khó khăn. Bệ hạ đức phôi thiên địa, thấy rõ hiện tượng của nhật nguyệt, suy tư đến cả loài cầm thú, ân trạch đến loài cây cỏ, đến cơ hàn đói lạnh của từng con người từ khi ra đời đến khi chết đi, rất là đau xót trong lòng. Ngày nay, trong nước không có dấu hiệu bất an mà khiến sĩ tốt đi vào chỗ chết, sương dữ sa xuống trung nguyên, thấm đẫm sơn cốc, khiến nhân dân vùng biên đóng cửa sớm, mở cửa muộn, ngày ngắn đêm dài, thần Lưu An trộm vì bệ hạ mà nhân mạnh rằng không rành địa thế hiểm trở của nam phương, người Việt ở đó quân mạnh có thể giữ vững biên thành. Thần trộm nghe như vậy, nơi ấy rất khác với Trung Quốc, miền ấy bị hạn chế bởi núi cao, không dấu chân người, đường lối xe chạy không thông, trời đất vì thế mà cách trở. Vả lại, người Việt ở xa lại nghèo, không thể bộ chiến với họ, lại không thể sử dụng xe pháo trong chiến đấu, mà còn là nơi hiểm trở không thể xâm nhập.

Mà người Trung Quốc, không rành thủy thổ của người Việt. Quân chưa đụng trận, mà bị bệnh chết hết hai phần ba, tuy cử binh đi đánh người Việt làm giặc, thắng trận cũng không đền bù bằng số lính thương vong, Thần nghe người ta nói rằng người em của vua Mân Việt, làm tướng chỉ huy quân Việt. Dân ấy chưa lệ thuộc nước ta. Bệ hạ cử quan trọng thần đến nơi ấy, ban bố ơn đức, tướng thưởng khen ngợi họ, chiêu dụ họ, thì họ sẽ chọn làm hiền thần cho ta, hàng năm bắt họ triều cống. Bệ hạ cấp ấn vuông một tấc, dây thao dài một trượng hai cho vua họ, vỗ yên nước ngoài thì không khiến một tên lính vất vả, không phải vung gươm múa kích mà đều có uy có đức. Ngày nay đưa quân xâm nhập miền đất ấy, sẽ tạo nên một chấn động khủng khiếp, quân đội tiến hành cuộc tàn sát, tất nhiên người Việt sẽ trốn vào núi rừng hiểm trở của họ, rồi họ tập hợp lại thành lập lực lượng cố thủ. Trải qua nhiều năm thì sĩ tốt của ta mỗi một, lương thực thiếu hụt. Đàn ông con trai, không được cày bừa trồng trọt, phụ nữ không được canh cửi

may vá; thanh niên đều tòng quân, người già vận chuyển lương thực nuôi quân, người ở nhà ăn không đủ no, người tòng quân thiếu thốn trăm bề. Nhân dân khổ vì việc quân, kẻ trốn lính ngày một đông, người trốn bị bắt giết không hề ít, thế là đạo tặc nảy sinh. Việc quân thành việc việc xấu ác, một phương rối loạn, bốn phương loạn theo. Thần sợ nảy sinh biến cố, thì bọn gian tà nhân đó tác oai tác quái, Sách “Chu Dịch” viết: “Cao tông phạt Quỷ phương, tam niên nhi khắc”. Quỷ phương là một nước nhỏ, vua Cao tông là một ông vua triều nhà Ân lúc nhà Ân thịnh trị, vua mạnh đi đánh dẹp một nước man di nhỏ mà phải mất đến 3 năm, đó là nói việc dụng binh không thể không thận trọng. Thần nghe rằng quân đội của thiên tử, có đi chinh phạt nhưng không phải đánh nhau, nói mà chẳng ai dám sửa đổi, nếu như bảo người Việt kiêu căng đáng chết làm chuyện phản nghịch chống ta trước, trong muôn một có khi chúng sơ xuất. Tuy ta lấy được đầu vua Việt thì thần vẫn cho rằng rất là hổ thẹn cho người Hán. Bệ hạ nắm hết toàn bộ các miền đất trong bốn biển, coi chín châu là nhà của mình, tám loài động vật đều là thú nuôi trong chuồng của bệ hạ. Bệ hạ ban đức huệ, bằng cách tưới tắm sương móc cho khắp mọi người dân, để dân được an sinh lạc nghiệp, là ban ơn cho vạn thế. Bỏ thì đến vô cùng cho thiên hạ an lạc bền vững như núi Thái sơn. Các miền đất của rợ di, rợ địch, không thể giải quyết thỏa đáng trong một vài ngày, sao lại làm phiền đến công hãn mã của tướng sĩ quân lính?” Bấy giờ, quân Hán vượt qua rừng Ngũ lĩnh, chiêu hàng người em vua Mân Việt là Dư Thiện Sát vương, người làm tướng chỉ huy quân Mân Việt. Quân Hán lui về. Nhà vua Hán làm theo lời của Hoài Nam vương Lưu An.

NGÔ KHÂU THỌ

Ngô Khâu Thọ vương tự là Tử Tráng, người nước Triệu. Thừa tướng Công Tôn Hoảng tâu vua: “Dân không được mang

cung nỏ theo, nếu chỉ có mười tên giặc giương cung nỏ đón đánh thì cả trăm quan lại cũng không dám đi đầu, hại ít mà lợi nhiều, nên bọn đạo tặc ấy nổi lên như rươi. Việc cấm dân không được mang theo cung nỏ, thì bọn đạo tặc dùng binh khí ngắn, mà nhiều binh khí ngắn nối liền nhau thì số đông sẽ thắng. Dùng nhiều quan lại đi bắt vài tên trộm thì nhất định bắt được giặc, có hại không lợi thì chẳng ai phạm pháp. Ngu thần cho rằng, việc cấm dân không được mang theo cung nỏ, là không có lợi”. Nhà vua đưa ý kiến của Thừa tướng ra bàn, Ngô Khâu Thọ vương nói: “Thần nghe người xưa hình thành ngũ binh, không phải để hại nhau, dùng để trị kẻ tàn bạo, cướp bóc, gian trá, khi an thì dùng để không chế thú dữ, bảo toàn đời sống nhân dân, khi hữu sự thì dùng để phòng thủ. Khi nhà Chu suy vi, các chư hầu tự tung tự tác, nước mạnh ra oai với nước yếu, sự hà khắc lên ngôi giành thắng lợi trong mọi việc, chẳng màng đến nghĩa lý. Cho nên cơ biến trong việc khoe ra hay giấu đi tùy thuộc tình thế từng lúc từng nơi không thể tính được. Khi nhà Tần thôn tính cả thiên hạ, bỏ chính sách vương đạo, lập tư nghị, không kể nhân đức ơn nghĩa, mà thích dùng hình ngục, giết bỏ, phá di tích, giết các nhà hào kiệt, xiềng giáp binh, bẻ mũi nhọn. Sau đó nhân dân dùng lưỡi cày răng bừa làm vũ khí, người phạm pháp ngày một đông, nhưng đạo tặc không thành việc gì, đến nỗi người tù đi kín đường, rừng núi nhan nhản trộm cướp, loạn to rồi. Thế cho nên các bậc thánh vương chăm lo việc giáo hóa, bớt chuyện cấm phòng vì biết rõ lệnh cấm không đủ hiệu lực. Ngày nay bệ hạ đức độ sáng rõ, thiết lập cuộc đời bình yên, tin dùng người tài tuấn, đẩy mạnh việc học, nhưng đạo tặc thì vẫn còn, xã hội ngày một thuần hóa, tiếng lành vang xa ra ngoài biên giới, quận quốc tội hai ngàn thạch, không phải lỗi mang theo cung nỏ. Kinh Lễ có câu: “Nam tử sinh, tang hồ bông thỉ dĩ cử chi” Thân nam nhi thỏa chí nhấc cung dẫu cỏ bông” dặn dò khi hữu sự. Lễ “đại xạ” từ vua đến thứ dân, là đạo lý từ thời Tam đại. Ngu thần nghe nói các bậc thánh vương đều hợp lấy việc cung nỏ để làm sáng rõ giáo hóa, chưa từng nghe cấm cung tên. Vả lại, việc cấm ấy, chỉ thuận lợi cho bọn đạo tặc có cơ

hoành hành. Tội tấn công đoạt của là tội tử hình, nhưng kẻ phạm tội ấy không hết. Kẻ đại gian ác thà chết chứ không tránh né. Thần e rằng kẻ gian tà mang cung tên theo, nhưng quan lại không làm gì được chúng, người dân lương thiện phải tự trang bị. mà chống lệnh cấm của pháp chế, là tốt cho giặc mà trói tay người dân. Thần trộm cho rằng là vô ích trong việc cấm gian, phế bỏ điển lệ của tiên vương, khiến kẻ có học không được tập làm lễ ấy, không tiện vậy”. Thư tâu lên vua, nhà vua lấy đó bắt bẻ Thừa tướng Công Tôn Hoàng, Thừa tướng Công Tôn Hoàng bị cách chức.

CHỦ PHỤ YẾN

Chủ Phụ Yến, người nước Tề, dâng thư lên vua. Lời của Chủ Phụ Yến về 9 việc thì 8 việc trở thành luật lệnh, một việc đó là thư can vua đừng chiến tranh với người Hung Nô. Ông nói: “Thần nghe nước tuy lớn, mà hiếu chiến chắc sẽ mất nước; thiên hạ tuy yên bình, quên không chiến đấu chắc sẽ bị nguy. Thiên hạ đã yên bình, mùa xuân lo làm nông, mùa thu đi săn bắn nhằm rèn luyện chiến đấu. Vả lại, nóng giận trái với đạo đức, việc quân sự toàn là hung khí, đánh giết nhau chẳng hay ho gì. Thế nên các bậc thánh vương thời xưa đều thận trọng việc chiến tranh. Phàm để chiến thắng, phải đánh đến cùng, chưa chắc không có ân hận. Ngày xưa vua Tần Thủy Hoàng oai vũ đánh thắng sáu nước, thu giang sơn về một mối, công lao sánh với thời Tam đại, đánh hoài không nghỉ, còn tính chuyện đánh sang Hung Nô. Thừa tướng Lý Tư can gián: “Phàm người Hung Nô không ở trong thành quách, của cải tích góp bễ bộn, sống thiên di như loài chim khó chế ngự họ, dùng binh binh thâm nhập thì lương thực không chuyển tới được; đánh chiếm được đất của họ không đủ lợi ích bù lấp; chiếm được dân ở đó, người Hán không thể sống chung hòa mục với họ, nên nếu ta thắng rồi cũng bỏ”. Vua Tần Thủy Hoàng không nghe, cử tướng Mông Diêm dẫn quân tiến đánh người Hồ. Đường hành quân xa

xôi hàng ngàn dặm, lấy sông làm ranh giới, Người Hồ tuyên thanh niên trong nước mình đóng đồn ven sông ranh giới. Quân Tần ăn gió nằm sương suốt hơn mười năm, chết bệnh nhiều không kể xiết, vẫn không vượt được sông Hà, có phải do quân không đủ đông, mọi việc quân chưa được chuẩn bị chu đáo? Chỉ là thế không thể thắng được mà thôi. Còn khiến thiên hạ đem rơm đổi lúa, vận chuyển sang bờ bắc sông Hà, quy định 30 chung bằng một thạch, nam giới lười cày bừa, không đủ lương thực, đàn bà biếng dệt may không đủ mànng vây phòng trướng. Nhân dân rách rưới tồi tệ, nhiều người cô quả già yếu, không đủ sức nuôi nhau, nhìn nhau chờ chết, người ta không còn tin nhau, cho đến khi đức Cao hoàng triều ta định được thiên hạ, tiến hành cho khảo sát vùng biên cương, nghe tin quân Hung Nô đang tập trung ở bên ngoài Đại cốc, nên muốn tiến đánh. Quan Ngự sử Thành can gián tâu: “Phàm ở Hung Nô, loài thú tụ tập ở đâu thì loài chim bay khỏi chỗ đó. Nay bệ hạ tấn công Hung Nô, thần trộm cho rằng nguy”. Cao tổ không nghe, đem quân đến Đại cốc, quả nhiên bị vây như trận bị vây ở Bình Thành, vua Cao tổ hối hận, mới cử Lưu Kính đi sứ Hung Nô kết thân hòa nghị. Sau đó mới chấm dứt chiến tranh giữa hai nước. Cho nên, sách Binh pháp có câu: “Khởi binh mười vạn, mỗi ngày hao hết ngàn vàng”. Nhà Tần thường tuyên mộ được mười vạn quân, thì tuy bị hao quân tổn tướng cũng tiến đánh Thiên Vu, nên kết oán thâm thù với họ, không kể hao phí của nhân dân.

Phàm người Hung Nô xâm phạm biên giới cướp phá như là cái nghề của họ, do trời sinh ra tính ấy. Trên từ thời Ngu Hạ Ân Chu nuôi dưỡng cầm thú, không khác nuôi người. Phàm không quan sát hệ thống chính sách ngày xưa Ngu Hạ Ân Chu mà chỉ xem những sự tổn thất của các đời vua gần đây, khiến thần quá kinh sợ, sự đau khổ của bách tính. Và chẳng chiến trận lâu thì thường sinh biến, khổ thì dễ khiến con người suy tính. Cai trị người dân lam lũ khổ sở miền biên cảnh, lại còn bị quan tướng tại chỗ nghi ngờ vì dân nước ngoài sinh sống trà trộn, phải

giám sát họ. Đại tướng Chương Hàm chỉ vì lợi riêng của ông mà thôi”. Thư đến tay vua, vua cho triệu đến gặp, rồi phong chức Lang trung. Chủ Phụ Yển còn có nhiều lần tâu vua, trong năm ấy thiên chuyển chức 4 lần. Chủ Phụ Yển tâu vua rằng: “Thời xưa, nước chư hầu không lớn hơn một trăm dặm, dễ dùng hình pháp chế ngự. Ngày nay có hơn mười nước chư hầu có đến mười thành liên tiếp nhau, rộng tới cả ngàn dặm, vua các nước chư hầu ấy sống kiêu xa, dễ sinh dân loạn, dễ họp nhau lại chống lệnh của kinh sư. Ngày nay, nếu dùng pháp chế cắt bớt đất của họ thì phát sinh mầm mống phản nghịch. Đó là ý kiến cắt bớt đất của Triều Thác. Ngày nay con cháu của các vua chư hầu có hàng chục, mà con trưởng tự làm vua, số khác tuy cùng cốt nhục, mà không được phong cho tước đất nào thì đạo nhân đạo hiếu không còn được họ tuyên dương nữa. Mong bệ hạ ra lệnh cho các chư hầu được quyền chia đất cho em cháu của họ, lấy đất phong hầu. Như vậy thì họ đều vui mừng được hưởng như mong muốn, nhà vua dùng đức ban cho họ phần đã ban cho cha ông họ rồi khi phong các nước chư hầu tất nhiên sẽ thành nhiều nước chư hầu nhỏ yếu vậy”. Nhà vua nghe theo kế ấy.

Từ Nhạc, người nước Yên, ông dâng thư rằng: “Hoạn nạn trong thiên hạ, tại nơi Thổ băng, không phải tại ngoã giải, xưa nay cũng vậy. Sao gọi là thổ băng? Là thời mạt thế của nhà Tần, Trần Thiệp không phải là vua của nước ngàn xe, bản thân không có quyền chức vương công, đại nhân, hay hậu duệ một họ tộc danh vọng, cũng chẳng phải là một nhân vật có học thuộc các học phái Khổng Tử, Tăng tử, Mặc tử, cũng không hào phú như Đào Chu, Y Đốn. Mà Trần Thiệp xuất thân tầm thường, ra sức lao động tầm thường mà khi hô lên một tiếng thì thiên hạ ùn ùn theo về, tại sao lại như vậy? Là vì nhân dân khốn khổ mà nhà vua không chút thương xót, dưới oán mà trên không biết, thói thường dùng loạn mà chính sách không chỉnh sửa. Ba vấn đề ấy, là lý do mà Trần Thiệp hô lên được nhiều người ủng hộ. Đó gọi là Thổ băng. Cho nên nói: “Hoạn nạn trong thiên hạ, tại vì Thổ

băng”. Thế nào là Ngoã giải? Quân đội của nước Ngô, nước Sở, nước Tề, nước Triệu là Ngoã giải. Bảy nước làm phản đều được cho là nhà vua của nước lớn, mỗi nước có vạn cỗ xe, quân mang giáp có cả mười vạn người, rất uy phong trong nước, tiền của đủ khuyến khích sĩ dân của họ, nhưng chẳng nước nào tiến chiếm một tấc đất ở hướng tây, mà còn bị người trung nguyên cầm tù, Tại sao như vậy? Không phải quyền lực mạnh yếu nơi kẻ thất phu, mà do binh của Trần Thiệp yếu. Đúng khi ấy, đức của tiên đế chưa suy giảm, dân chúng còn, các chư hầu chưa được các nước bên ngoài hỗ trợ, để được an cư lạc nghiệp. Đó gọi là Ngoã giải. Nên nói: “Hoạn nạn trong thiên hạ không phải ở Ngoã giải”. Từ đó cho thấy rằng, thiên hạ thật có thể Thổ băng, tuy là người áo vải nghèo nàn cũng có thể đứng đầu cứu nguy nước nhà, huống chi là vua của nhà Tam Tấn có thể tồn tại chẳng? Thiên hạ tuy chưa được yên trị, thực ra có thể không có thể Thổ băng, tuy có cường quốc quân đội mạnh, không thể theo dấu cũ, để phải bị bắt tù, huống chi quần thần và bách tính có thể làm loạn chẳng? Hai chủ thể này, chủ yếu là của an nguy, bậc vua hiền nên lưu ý mà xét đoán cho sâu. Thời gian gần đây, thất mùa ngũ cốc, cả năm chưa hồi phục, nhân dân cùng khốn, nơi biên cảnh căng thẳng nghiêm trọng, nhìn chung dân sinh sống bất an. Bất an thì dễ thay đổi, mà dễ thay đổi thì là thế Thổ băng vậy. Vì thế bậc vua hiền tài riêng xem xét nguyên nhân của vạn biến, hiểu rõ cơ hội an nguy, tu chỉnh việc cúng tế nơi miếu đường, để giải quyết hoạn nạn đừng để xảy ra. Chủ yếu là nên khiến sao cho thiên hạ đừng rơi vào thế Thổ băng mà thôi. Thần nghe rằng, mưu đồ vương không thành thì làm sao an mọi tệ nạn? Có an thì bệ hạ cầu gì mà không được? Uy gì mà không thành? Chính phục gì mà không thu phục được chứ?”

NGHIÊM AN

Nghiêm An, người Lâm Truy. Cô Thừa tướng là Sử thượng thư nói: “Thần nghe ông Trâu tử nói “Cái văn chất của chính giáo có thể nói là cứu vãn được. Lúc này thì dùng được, quá thời thì bỏ, tình cảnh khác thì nên làm khác, nếu bảo thủ không biến đổi theo thì chưa thể trông thấy yên trị”. Vua Tần gồm thu Chiến quốc, xưng hiệu là ‘Hoàng đế đầu tiên mở đầu các vua (Thủy Hoàng), thống nhất chính sách cai trị trong toàn quốc, phá hủy thành quách của các nước chư hầu. Nhân dân thoát cảnh chém giết thời Chiến quốc, người người tự xây dựng lại đời sống, hình phạt được nói lỏng, thuế má được giảm nhẹ, bớt huy động lao động công ích, con người trở nên quý trọng nhân nghĩa, coi nhẹ quyền lợi, trên đóc suât dưới, dưới khôn khéo làm vừa lòng trên, phong tục dân các chư hầu khác nhau, dần biến đổi thành phong tục nước Tần thì đời đời nhất định an ổn. Phong tục nước Tần không thay đổi, vẫn theo tục cũ, người trí xảo thì quyền lợi đều tiến, kẻ thực thà ngay thẳng thì lùi, pháp lệnh hà khắc, kẻ xu nịnh nhiều, ngày nghe điều hay tốt thì tâm ý hoang dật, muốn ra uy ngoài nước. Đương thời ấy, Tần gieo họa, phía Bắc cấu kết Hồ, phía Nam liên thông với Việt, binh nghỉ không có chỗ dụng, tiến mà không được thối; Hành quân hơn mười năm con trai mặc giáp, con gái vận chuyển, khổ quá không ham sinh con. tự nằm ra ven đường gốc cây, người chết chờ nhau. Đến khi Tần Thủy Hoàng băng hà, thiên hạ nổi loạn khắp nơi, hào kiệt cùng lúc nổi lên, nhiều không kể xiết, nhưng vốn các hào kiệt này không phải là con cháu của các vua chư hầu trước đây, ai cũng chẳng có chút thế lực nào hết. Họ xuất thân từ nông thôn nghèo nàn lam lũ, nơi thôn xóm ngõ ngách bình dân, ứng theo thời cuộc mà hành động, không hẹn mà cùng nổi dậy, không thể ước mà đồng hội, đến cả Bá vương Hạng Vũ, thời thế đã khiến nên như vậy. Nhà Tần lên làm vua, may được trời phú cho cai trị cả thiên hạ, rồi bị diệt vong, là cái họa binh lính đến cùng. Nhà Chu mất nước vì yếu kém, nhà Tần mất nước vì cường thịnh

đều chịu cái họa không khác nhau. Ngày nay, chỗ thiên hạ phải rèn giáp mài kiếm, người man di, người Dạ lang theo về, người Khương quy hàng, xâm lược miền Uế châu, xây thành ấp, thâm nhập vào đất người Hung Nô, đốt Long thành của họ, hạp bàn tán tụng. Làm như vậy theo ý thần, không phải là sách lược lâu dài. Ngày nay Trung Quốc không được con cầu phệ cắn cảnh báo như thời xưa, mà những trời buộc bên ngoài nơi viễn phương luôn chuẩn bị sẵn mầm mống gây tệ hại cho quốc gia, không phải do con dân gây nên.’ Thả cho lòng ham hố vô cùng, cam tâm khoái ý, kết oán với người Hung Nô, nên miền biên cương không an ổn được. Họa hoạn ập đến mà không được giải quyết, quân đội hết được nghỉ ngơi, động viên trở lại, người ở gần thì buồn khổ, người ở xa thì kinh hãi vì nghỉ ngơi chưa được bao lâu vậy. Ngày nay thiên hạ lo rèn giáp mài gươm, sắm tên, căng dây cung, sửa chữa xe chở lương thực, bận rộn không nghỉ ngơi được. Cả thiên hạ phải lo toan.

Đại phàm chiến tranh kéo dài thì quân đội dễ sinh biến loạn, việc điều binh thêm rối. càng phải suy tính. Ngày nay, các miền đất bên ngoài ranh giới quận huyện nước ta, có đến mấy ngàn dặm, với hơn mười thành quách, bức hiếp các chư hầu, không phải cái lợi của tôn thất. Xem chuyện các nước Tề, Tấn tiêu vong, công thất bị dẹp bỏ thì sáu quan khanh đại thịnh; xem đến nhà Tần bị diệt là vì ham muốn quá lớn, hình phạt nghiêm khắc. Ngày nay quyền hành của các vị Quận thú không bằng các vị khanh trong triều. Đất đai mỗi quận đến mấy ngàn dặm, mà tài sản không bằng người trưởng làng; giáp binh khí giới không bằng trang bị cho lính hầu các quan khanh. Nếu gặp chính biến thì nhất định không thể đối phó được”. Nhà vua nghe theo.

Giả Quyên tự là Quân Phòng, là cháu của danh thần Giả Nghị. Khi vua Hán Nguyên đế vừa lên ngôi, quận Châu Nhai lại làm phản, vua cử quân tướng đi đánh dẹp, các huyện bèn nổi lên chống lại triều đình. Nhiều năm bất ổn, nhà vua bàn với quần thần chuẩn bị đại phát quân. Giả Quyên kiến nghị là không nên đưa quân đi đánh dẹp. Nhà vua cử quan Thị trung là Vương Thương hỏi vặn Giả Quyên rằng: “Châu Nhai nội thuộc thành quận đã từ lâu, ngày nay quay lưng phản nghịch, bảo không nên đánh dẹp bọn man di làm loạn, là có lỗi với công đức và lời dạy của tiên đế, sao lại không nên?” Giả Quyên nói: “Đức thánh Khổng khen vua Nghiêu lớn thay, khen vua Thuấn tận thiện, khen vua Võ là vô gián. Dùng đức của tam thánh, với địa phương không rộng quá mấy ngàn dặm, thì muốn cai trị bằng thanh giáo, không cần dùng vũ lực. Cho nên vua tôi đều ca tụng đạo đức, vạn vật cũng được hàm khí, nên mọi thứ mọi nơi ổn định đâu ra đó. Vua Võ Đinh, vua Thành vương là hai vị vua đại nhân đức của nhà Ân và nhà Chu, nhưng đất đai của họ phía đông không xa hơn sông Giang, sông Hoàng, phía tây không quá nước Thị nước Khương, phía nam không quá ranh giới nước của người Man kinh, phía bắc không quá Sóc phương. Tiếng ca tụng vang lừng, nhân dân vui mừng sinh sống, người Việt Thường Thị coi trọng cử dịch mà có văn hiến, đó là nơi không nên đem quân đến đánh. Có những khi đem quân đánh họ, thì nam chinh một đi không trở về. Nhà Tần đã từng hưng binh đi đánh nơi xa xôi, tham mở rộng ra bên ngoài nên để trống bên trong, ham mở rộng bờ cõi, không tính cái hại, nên bị cả thiên hạ làm phản, nhờ nhà Hán nổi lên mới bình định thiên hạ được. Đến vua Hiếu Văn hoàng đế nhà Hán ta, lo nước nhà chưa an, cho nghỉ việc võ. sửa việc văn thì sinh kiện tụng trong dân, phải xét xử cả trăm vụ, dân phải đóng thuế bốn phần mười hoa lợi, trai tráng làm công ích 3 năm. Bây giờ có người hiến con ngựa chạy ngàn dặm, chiếu vua ra lệnh cờ chim loan đi trước, quân đi sau, trời tốt đi mỗi ngày 50 dặm, thường thì đi mỗi ngày đi 30 dặm trăm cười thiên lý mã, đi nhanh một mình làm gì?”. Sau

đó trả ngựa, hạ chiếu nói rằng “Trẫm không nhận đồ biếu tặng, lệnh cho tứ phương không nên hiến tặng”.

Thời bấy giờ, thú vui đi chơi vô bổ đã chấm dứt, cũng là hết chuyện biếu xén hồi lộ, cho nên thụy hiệu của vua là Hiếu Văn, miếu hiệu là Đại Tông. Đến thời vua Hán Hiếu Vũ hoàng đế, được mùa lúa đầy kho. Xem xét lại vụ Bình Thành năm xưa, tuyển quân, dưỡng ngựa, nuôi dân no đủ. Các nước giáp giới phía tây, đến tận xứ An Túc; phía đông qua khỏi vùng Kiệt Thạch, nhập 2 nơi Huyện Miễn và Lạc Lãng lập thành một quận mới; phía bắc chiếm một vạn dặm đất của Hung Nô, phía nam không chế 8 quận Nam Hải của người Việt. Chắc việc xử kiện có đến vạn lần, hàng trăm người giàu, thu lợi từ nghề làm muối, đồ sắt, nấu rượu, có đồ cân đồ đong đồ đo phụ trợ, còn không đủ đâu vào đấy. Trong khi thời bấy giờ, giặc cướp nổi lên như rươi, mấy lần động binh, cha đánh ở đầu, con đánh ở cuối, phụ nữ lo hậu cần, con nít khóc lóc đầy đường, mẹ già thành quả phụ, tiếng khóc than đầy ngõ, chuyện tế lễ cầu cúng chiêu hồn người chết ngoài xa vạn dặm. Hoài Nam vương lấy trộm làm hồ phù, bọn Công Tôn Dũng giả làm sứ giả, đều là những việc rất không thiết thực, đều là vì chuyện chinh phạt không nghỉ quá lâu mà ra. Ngày nay chỉ riêng một miền Quan Đông rộng lớn gồm nước Tề và nước Sở hồi xưa, nhân dân khôn khổ nhiều năm qua, nhân dân ở đó phải bỏ xứ tha hương, bỏ lại thành quách của họ, ôm theo mền chiếu ngủ bờ ngủ bụi ven đường. Tình cha mẹ con cái không còn mặn mà, tình vợ chồng không còn nồng ấm, đến nỗi vợ bán con, mà pháp luật không thể cấm đoán, chữ nghĩa không thể bảo họ đừng làm như vậy, đó là nỗi ưu hoài của xã tắc. Ngày nay nếu bệ hạ không tính kỹ, nhấn tâm buộc sĩ chúng lao vào biển sâu, vào cỏi u minh thì không phải là để cứu trợ cho nhân dân nghèo đói, để bảo toàn xứ sở, người Lạc Việt, cha con cùng tắm chung trong một sông suối, chẳng khác loài cầm thú thì không thể hình thành bộ máy hành chính quận huyện tại đó được.

Dân ở đó sinh sống riêng nơi miền đất mà thủy thổ nguy hại có nhiều loại cây cỏ độc với nhiều rắn rít, chưa đựng giặc mà chiến sĩ đã ngã ra chết, lại đâu chỉ riêng Châu Nhai mới có ngọc trai, sừng tê, đồi mồi. Bỏ đi chẳng có chi phải tiếc cả, không đánh dẹp cũng chẳng giảm oai phong. Dân ấy ví như loài thủy tộc, chẳng đáng để ta quan tâm! Thần trộm nghĩ rằng ngày xưa quân Khương nói rằng ‘đem quân đi đánh giặc chưa đầy một năm đi chưa hết một ngàn dặm, mà chi phí hơn bốn mươi vạn, tiền hết, thì rất khó tiếp tục’. Phàm một vùng đất ngoài ven không thuận lợi mà chi phí hao tổn đến thế, thì có đáng cho ta hao binh khổ tướng đem quân đi xa, để chẳng được công tích bao nhiêu! Nghiên cứu người xưa thì thấy không hợp, so với tình cảnh ngày nay lại càng bất tiện. Thần ngu cho rằng sử dụng nước mà người dân không biết đội mũ được đề cập trong kinh Vũ công của Kinh Dịch, lại còn được nhắc đến trong kinh Xuân thu là việc vô ích vì không được việc gì. Vì thế thần mong bệ hạ bỏ Châu Nhai, chuyên dón lòng thương xót cho miền Quan Đông”. Quan Thừa tướng Vu Định Quốc tâu đáp lại: “Không bàn chuyện đánh Châu Nhai nữa”. Nhà vua nghe theo. Rồi hạ chiếu rằng: “Giặc ở Châu Nhai giết hại quan dân, làm chuyện phản nghịch chống triều đình. Ngày nay hội nghị, thì có nhiều ý kiến khác nhau, người bảo nên đánh, có người bảo cố thủ, có người muốn bỏ đi. Trẫm ngày đêm trần trọc suy nghĩ so đo các ý kiến ấy, sợ oai không làm gì thì muốn tru diệt đi; hoài nghi trốn nạn thì giữ đồn điền; thông nơi thời biến thì lo cho vạn dân. Phàm vạn dân bị đói kém mà không thảo phạt bọn man di xa kia, liệu có nguy cấp không? Vả lại, việc tế lễ nơi tông miếu, gặp năm dữ mà không chuẩn bị, hướng hồ trốn tránh không nhục vì ghét sao! Ngày nay Quan Đông rất khốn khổ, kho đụn trống không, vô được chu cấp, lại làm việc động binh, làm khổ dân thì hung niên theo đến, nên trẫm cho thôi việc ở quận Châu Nhai”. Giả Quyên được nhà vua mời triều kiến mấy lần, vua nghe theo mấy lần, bấy giờ quan Trung thư lệnh Thạch Hiên sử dụng làm việc, Giả Quyên số đoản

không được vinh hiển, không được làm quan lâu dài, Về sau, người ta quên ông luôn.

ĐÔNG PHƯƠNG SỐC

Đông Phương Sốc, tự Mạn Thiển, người Bình Nguyên. Vua Hán Vũ đế lên ngôi, ban chiếu kim mã môn. Vào niên hiệu Kiến Nguyên thứ ba, nhà vua bắt đầu vi hành thăm thú các địa phương, phía bắc tới Trì Dương, phía tây đến rặng núi Hoàng sơn, phía nam đến vùng săn bắn Trường Dương, phía đông đến vùng Nghi Xuân. Đêm đi tới hôm sau về. Về sau nhà vua cho làm đường đi xa rất khổ, lại vì hoạn nạn của nhân dân, bèn sai Ngô khâu Thọ vương lấy từ thành Tịch A về phía nam, từ Chu Chát về phía đông, từ Nghi Xuân về phía tây, kê biên từng khoảnh, từng mẫu, cùng việc định giá trị để cho dự án thành lập công viên Thượng lâm, thuộc Nam sơn. Thọ vương tâu lên, nhà vua rất vui lòng, Đông Phương Sốc bèn can, tâu: “Thần nghe người khiêm tốn, thành thực thì trời ứng ra thiên biểu, ứng để ban phước; kiêu ngạo quá lắm, chạy theo cái đẹp, trời ứng biểu thị, biểu thị cũng khác nhau. Ngày nay bệ hạ xây Lang đài, còn chê là chưa được cao; nơi săn bắn cho rằng chưa đủ rộng. Như trời không biến, thì miền đất Tam phụ, cũng đủ làm vườn, sao đòi rộng đến Chu Chát, Hộ, Xã! Xa xỉ vượt khung chế độ, thì trời gây biến loạn, vườn Thượng Lâm tuy đẹp, mà thần vẫn cho là rộng. Phàm xứ Nam sơn, là nơi rất cách trở trong thiên hạ, phía nam có sông Trường giang, sông Hoài giang, phía bắc có sông Hà, sông Vị, nơi ấy, từ Bính Lũng trở về đông, từ Thương Lạc trở lên phía tây, đất đai phì nhiêu. Từ thời nhà Hán thịnh vượng, bỏ miền đất Tam Hà, dừng lại ở phía tây Bá Sản, đều ở phía nam sông Kinh sông Vị. Đó là miền đất có tên là Lục Hải trong thiên hạ, Nhà Tần sở dĩ đánh Tây Nhung, kiêm tính Sơn Đông. Núi Nam sơn bên dưới có mỏ ngọc thạch, mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ sắt, ở trên núi có cây đàn thơm, cây trắc bá, cây chà là các loại cây quý, nhiều không kể hết tài nguyên có

tiếng. Những nguyên liệu mà thợ bách công rất cần, vạn dân ngưỡng mộ. Lại còn có loại lúa canh cho gạo ngon, lúa gạo, lúa mì, cây lê, cây lặt, cây dâu tằm, tre trúc và nhiều loại khác nữa, người nghèo ở đó cũng không lo đói kém. Cho nên miền đất giữa đất Phong và đất Cáo, gọi là đất thổ cao màu mỡ, giá đất tính bằng vàng. Ngày nay quy hoạch làm vườn sản thú cho vua, mất hết cái lợi của nơi nước bi tri, chiếm lấy miền đất màu mỡ của dân, trên là làm hao tổn chi dùng của quốc gia, dưới thì tiếm đoạt nghề nông tang của dân là bỏ thành công lấy sự thất bại, bỏ bê việc làm ra ngũ cốc, là việc chẳng nên vậy. Vả lại, làm cho rừng gai góc để nuôi béo hươu nai, mở rộng vườn cho loài chồn cáo, hổ sói, còn phá hoại mồ mả con người, xóm làng nhà cửa, khiến trẻ con nhớ đến đất đai vườn cũ, giới bô lão buồn khóc là hai điều chẳng nên làm.

Cưỡi ngựa dong ruổi đông tây, ngồi xe đi nam bắc, lại có sông sâu đầm lớn, phạm vui thú một ngày, không đủ để nguy hại ào đến không cản được. là điều thứ ba không thể làm vậy. Cho nên việc lập vườn nuôi thú to rộng, không xót cho nghề nông, thì không thể trở thành nước mạnh dân giàu. Ngày xưa nhà Ân làm Cữu Thị nên các chư hầu làm phản, vua Sở Linh vương xây đài Chương Hoa mà người nước Sở ly tán; nhà Tần hưng tạo cung A Phòng, mà thiên hạ loạn lạc, Ngu thần là kẻ thiếu trí, tự dung đầm đầu vào chỗ chết. Tội làm ngược lại thịnh ý, phạm đến chí khí của rồng, đáng chết đến vạn lần”. Nhà vua phong Đông Phương Sóc làm Đại trung Đại phu Cấp sự trung, ban cho một trăm cân vàng ròng. Nhưng việc hình thành vườn Thượng Lâm thì vẫn tiến hành dưới thời vua Hán Vũ đế. Các cô công chúa cùng các vị quý nhân nhiều lần vượt qua lễ chế, thiên hạ bắt chước khiến người dân ngày càng có nhiều người rời bỏ nghề nông. Nhà vua hỏi Đông Phương Sóc: “Trẫm muốn giáo hóa cho nhân dân, nên bắt đầu bằng cách gì?”. Đông Phương Sóc trả lời: “Chuyện của các vị thánh vương Nghiêu - Thuấn - Võ - Thang - Văn - Vũ - Thành - Khang, thời thượng cổ, đã trải qua mấy ngàn năm, rất khó bàn, thần không dám

nhắc, thần xin nói về vua Hiếu Văn gần đây mà các vị kỳ lão đều được chứng kiến. Bậc thiên tử là người giàu có vì nắm hết mọi thứ trong bốn biển, ăn mặc sang trọng, áo 2 lớp lụa tốt, giày 2 lớp đế, được đeo kiếm, được ngồi chiếu đan bằng loại cỏ hoàn bồ, làm đẹp bằng đạo đức, lấy nhân nghĩa làm chuẩn mực cho thiên hạ nhìn vào mà theo thành quen, thì tự nhiên nhân dân được giáo hóa. Ngày nay, bệ hạ đồ khởi kiến chương, bên trái là lầu phượng, bên phải là thần minh, xưng hiệu là thiên môn vạn hộ, cung nhân giắt trâm đòi mối, đeo ngọc trên châu, ngồi xe đùa giỡn, tô điểm lòe loẹt, khua động chuông vạn thạch, động trống lôi đình, diễn múa kịch, múa dâm dật của gái Trịnh. Vua ở trên thì dâm loạn như thế, mà muốn dân không sống xa hoa phung phí, biếng việc nông tang, rất khó vậy thay! Bệ hạ thật lòng có thể dùng kế của thần thì nên bỏ hết các loại trướng, đốt bỏ chúng nơi các ngã tư đường lộ chính, cho chạy ngựa phát loa không dùng đến nửa thì đất nước yên trị chẳng thua thời Nghiêu-Thuấn”.

Kinh Dịch có câu: “Chỉnh cho đúng gốc thì vạn sự đều hợp lý. Mất một hào một ly thì sai cả ngàn dặm”. Cúi xin bệ hạ lưu ý xem xét thật kỹ cho”. Đông Phương Sóc mạnh dạn can vua, bằng lời nói thẳng thắn, nên vua thường nghe theo. Đông Phương Sóc viết bài văn “Phi hữu tiên sinh” có câu rằng: “Không có tiên sinh Sĩ Ngô, tiến không gọi là vãng cổ để gần với ý chính, lui không tán dương cái hay của vua để bày tỏ công lao, mặc nhiên không nói tiếng nào suốt ba năm liền. vua Ngô lấy làm lạ bèn hỏi, thì tiên sinh trả lời: “đàm luận sao dễ dàng được! Phàm đàm luận có khi nói lên lời trái tai gai mắt, lòng thấy bực nhưng vẫn phải nói là hạp nhãn, êm tai, khoái lòng, không có vị minh vương thánh chúa nào không chịu nghe chứ? Ngô vương nói: “Sao lại như vậy? Tiên sinh đưa thí dụ cho quả nhân cùng nghe”. Tiên sinh trả lời: “Hồi xưa, viên quan Long Phùng can gián vua Kiệt rất sâu sắc. Còn vương tử Tỉ Can nói thẳng với vua Trụ. Hai vị đại thần ấy, đều rất tận

trung, lo cho vua, nhưng không được hưởng ân trạch của vua khiến vạn người bối rối biến động, những lời nói thẳng của họ, lời can gián tha thiết dùng để tôn vinh vua mình, hóa giải tai họa của vua mình mà bị vua coi là gian tà, không nghe theo. Ngày nay tất cũng không khác, phản nghịch nói lời phỉ báng hành vi đức hạnh của vua, là không đúng lễ của bầy tôi, là làm nhục người trước, làm trò cười cho thiên hạ. Cho nên nói rằng ‘đàm luận sao dễ dàng được’, Là ngoã giải của bầy tôi, phụ bật cho vua mà là kẻ gian tà siểm nịnh thì đều được thăng tiến, cho đến hai tên nịnh thần Phi liêm, Ác Lai Cách. đều trá ngụy, ăn nói lưu loát để được tiến thân; chú trọng xuôi lọt tai nghe mắt thấy. Vua trước không cảnh giới, bản thân dù không bị giết chết thì tông miếu suy sụp, đất nước thành đồi hoang trống vắng. Cho nên thân hèn thể hạ, sắc đẹp lời hay, vui vui vẻ vẻ, rốt lại vô ích trong việc cai trị của chúa thượng. thì tất nhiên các bậc hiền tài chí sĩ, chẳng nhận nhận được nữa. nghiêm nhiên tướng có sắc cang nghiêm; lời can gián thẳng thắn, trên cho là tà gian không chú ý, dưới làm tổn hại bách tính, thì đó là cái tâm ngỗ ngược của kẻ đại gian tà. Các thời suy bại xưa nay đều theo một phép như thế, Hành vi của kẻ đại gian tà, cũng đủ sợ rồi. Cho nên nói: ‘Đàm luận sao dễ dàng được’. Đến đây Ngô vương tỏ ra thoải mái, khép nép đổi thế ngồi, ngồi thẳng lưng mà lắng nghe. Tiên sinh nói tiếp: “Ông Tiếp Dư tỵ thế, ông Cơ tử giả điên, hai vị này, trốn đời ô trọc, để mình được hoàn toàn trong sạch, khiến gặp được minh vương thánh chúa, được ban thưởng sống thanh nhàn thanh yên, dung nhan khoan hòa, đem hết lòng thành, phác họa an nguy, tính toán được mất, trên thì an chủ tể, dưới thì tiện lợi cho vạn dân, đạo của Ngũ đế Tam vương xuất hiện. Cho nên chuyện ông Y Doãn phò tá nhà Thương bốn đời vua. Chuyện Khương thái công ngồi câu bên bờ sông Vị để ra mắt vua Văn vương, rồi hai người tâm hợp ý đồng, mưu tính không gì không thành tựu, kế hoạch không gì không đạt được. Họ nghĩ kỹ nhìn xa trông

rộng, đưa nghĩa chinh bản thân, ban ơn để mở rộng người theo, coi nhân nghĩa là gốc tổ, nhiều người có đức, thưởng cho người tài đức, tru diệt kẻ ác loạn, mời gọi người tài đức viễn phương, nhất thống muôn loài, làm tốt phong tục, đó là những gì mà các vị đế vương đã làm tốt. Trên không để mất thiên tính, dưới thông đoạt nhân luân; thì thiên địa hòa hiệp, viễn phương tìm đến, nên gọi là “thánh vương”. Vì thế mà cắt đất định phong, tước vị công hầu, con cháu truyền nhau làm vua, tiếng thơm truyền cho hậu thế, đến nay nhân dân còn ca tụng, để gặp vua Thang, vua Văn vương. Y Doãn Thái công làm như vậy, riêng Long Phùng, Tỉ Can há chẳng đáng thương xót lắm sao! Cho nên nói: “Đàm luận sao dễ dàng được”.

QUẢN THU' TRỊ YẾU

QUYỂN 19

Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam, Ngụy Trưng vâng lệnh vua Đường Thái Tông cùng biên soạn

HÁN THU' (7)

TRUYỆN

CHU VÂN

Chu Vân tự Du, người nước Lỗ. Thời vua Hán Thành đế, quan Thừa tướng là An Xương hầu Trương Võ, vì là thầy dạy của vua nên được tiến thân đặc biệt, rất được trọng vọng. Chu Vân dâng thư xin gặp vua cùng lúc có các vị công khanh. Chu Vân nói: “Các quan đại thần trong triều ngày nay, đều bất tài, trên thì không làm tốt việc khuông phò vua mình, dưới thì không làm gì có ích cho nhân dân, đều ngồi lì ở địa vị để hưởng bổng lộc Đó là hạng quan lại mà đức thánh Khổng gọi là “bỉ phu bất khả dữ sự quân”, “cẩu hoạn thất chi, vong sở bất chi”. Thần mong được ban thanh Thượng phương bảo kiếm để chém chết một tên nịnh thần để làm gương các quan to khác” Vua hỏi: “Ai vậy?” Chu Vân thưa: “Thừa tướng An Xương hầu Trương Võ” Vua đại nộ nói: “Tên tiểu lại bề dưới dám nói lời chê trách quan trên, làm nhục tôn sư, tội đáng chết không tha”. Quan Ngự sử

cho lời Chu Vân ra ngoài. Chu Vân cố bám vào tấm ván cửa sổ, tấm ván gãy, Chu Vân la to: “Thần đi theo ông Long Phùng ông Tử Can đây!, chưa biết thánh triều rồi sẽ ra sao?” Quan Ngự sử kéo Chu Vân đi ra. Bấy giờ quan Tả tướng quân Tân Khánh Kỵ lột mũ, cởi chiếc ấn của mình khấu đầu tâu: “Viên quan này nói lời ngông cuồng nhưng thẳng thắn trong khi quá bức xúc, không đáng bị giết. Lời nói sai trái nhưng có thể dung thứ được. Thần xin được chết thay”. Tân Khánh Kỵ dập đầu đến chảy máu, ý nhà vua cũng không để quá căng thẳng, nên không cho giết Chu Văn, cho sửa chữa tấm ván bị kéo gãy, Vua nói: “Không dễ, vì hòa hợp để làm gương cho bấy tôi”. Chu Văn từ đó bị cho nghỉ, không được làm quan nữa.

MAI PHÚC

Mai Phúc tự Tử Chân, người Cửu Giang. Vua Hán Thành đề tín nhiệm Đại tướng quân Vương Phượng, mà quan Kinh triệu doãn là Vương Chương tố chất trung trực, quả trách Vương Phượng, vì binh Vương Phượng vua đòi giết Vương Chương. Quần thần không ai dám nói thẳng, nên Mai Phúc dâng thư tâu rằng: “Thần nghe ngày xưa ông Cơ tử thời nhà Ân giả điên mà vì nhà Chu trình bày thiên ‘hồng phạm’ trong Kinh Dịch; ông Thúc Tôn Thông trốn nhà Tần theo về nhà Hán, chế tác nghị phẩm. Phạm không thể cho là Thúc Tôn Thông trước bất trung với nhà Tần, ông Cơ tử coi nhẹ gia đình mình, phản bội họ hàng. Ngày xưa đức Cao tổ nhà Hán ta nghe lời nói hay chưa cho là đủ, nên còn theo lời can gián thêm, nghe người ta nói không cầu là người giỏi hay dở, khởi công không nên xét kỹ tính chất của việc. Trần Bình xuất thân là một kẻ vong mệnh, mà sau trở thành tay túc trí đa mưu; Hàn Tín được cất nhắc từ một tên lính trận, mà được tấn phong làm thượng tướng. Cho nên bậc sĩ phu trong thiên hạ đều tụ về nhà Hán, hăng hái lập công, bậc trí giả tận lực vạch kế sách, ai ai cũng

suỵ tính vun bồi, các dũng sĩ đều tận tâm tận sức, kẻ khiếp nhược khỏi chết. Hợp tất cả trí khôn của thiên hạ, gộp tất cả sự oai nghiêm của thiên hạ, thì xem nhà Tần nhẹ như chiếc lông chim, coi nước Sở là thứ vụn vặt, cho nên Hán Cao tổ nhà ta mới trở thành vô địch thiên hạ. Bậc sĩ là những người trọng yếu của quốc gia, được họ theo phò thì rất tốt, thiếu họ thì rất đáng lo. Kinh Thi có câu: “Tề tề đa sĩ, Văn vương dĩ ninh”, Việc nghị luận nơi miếu đường, không chấp nhận những lời cỏ rác. Thần thực lòng lo sợ tám thân bị lây lợi nơi đồng hoang, cho nên thần nhiều lần dâng thư xin cầu kiến nhà vua, để báo cáo. Thần nghe ngày xưa thời vua Tề Hoàn công có việc xem hào cứu cử, nên Hoàn công không làm trái. Ngày nay thần muốn nói, không xem hào cứu cử, bệ hạ không chịu nghe bày tôi những ba lần, nên bậc sĩ trong thiên hạ không đến vậy. Ngày nay bệ hạ đã không nghe lời nói của thiên hạ, lại tăng thêm hình phạt nặng nề. Phàm khi chim non bị hại thì chim mẹ bỏ đi luôn; Kẻ ngu si càng ham giết chóc thì bậc trí giả lui càng xa. Kẻ ngu dân dưng sớ lên, phần đông da vào những phép không có cơ sở nên bị Đình úy xử tử rất nhiều. Từ thời Dương Sóc đến nay, thiên hạ lấy lời làm tên húy (tên người chết), rất lạ, quần thần thuận theo chỉ thị của vua mình, không dám cãi lệnh. Thì thế nào làm rõ ra được? Nhận thư của dân, bệ hạ lệnh xuống cho quan Đình úy, tất nhiên, quan Đình úy nói: “Không theo lời vua là đại bất kính”. Thế cho nên quan Kinh Triệu doãn Vương Chương, tư chất trung trực dám nói thẳng trước mặt các quan giữa triều đình, được vua Hiếu Nguyên hoàng đế cất nhắc, để biểu dương tất cả bày tôi mà chinh đốn triều đình, Khi đến tay bệ hạ, giết đến cả vợ con, thân đầy ác niệm, Vương Chương không phạm tội phản nghịch, mà tai họa ập xuống cả nhà, chặt bỏ một bậc sĩ khí tiết, dứt đi cái lưỡi nói ra lời can gián. Quần thần đều biết là sai lầm, nhưng không ai dám lên tiếng. Thiên hạ giới hạn lời lẽ, là hoạn nạn cực lớn cho quốc gia vậy”.

TUYỂN BẤT NGHỊ

Tuyển Bất Nghị tự Mạn Thiên, người Bột Hải, làm chức Kinh Triệu doãn, được quan dân tôn kính vì uy tín cá nhân của ông. Vào niên hiệu Thủy Nguyên thứ 5, có một chàng thanh niên đánh xe bò vàng, cưỡi lá cờ hoàng triều, y phục màu vàng, đội mũ màu vàng, đến cổng thành bắc, tự xưng là Thái tử nước Vệ. Nhà vua ban chiếu các công khanh đem quân đến xem xét đề phòng. Có đến mấy vạn người quan dân trong thành Trường An tụ tập lại xem. Quan Hữu tướng quân dẫn quân đến dưới cổng thành phía bắc, đầy đủ trang bị, hùng hổ phi thường. Người của dinh Thừa tướng, dinh Ngự sử, đứng đó mà chẳng dám lên tiếng. Tuyển Bất Nghị đến sau, bảo quân hầu cận bắt trói Vệ Thái tử. Có người lên tiếng nói: “Đúng sai chưa rõ không nên trói”. Tuyển Bất Nghị nói: “Sách ‘Xuân Thu’ viết rằng ngày xưa Khoái Hội xuất bôn trái mệnh vua, phải bắt giữ, sách ‘Xuân Thu’ chép rõ như vậy. Vệ Thái tử đắc tội với tiên đế, phải chạy trốn chứ không thì bị giết chết. Ngày nay Vệ Thái tử đến đây, là một tội nhân”. Nhà vua bèn hạ chiếu bắt giam Vệ Thái tử. Thiên tử cùng Đại tướng quân Hoắc Quang, nghe được còn nói thêm: “Các vị công khanh đại thần, nên dùng kinh sách làm sáng tỏ nơi đại nghị”. Nhờ đó tiếng tốt được coi trọng nơi triều đình, những người tại vị đều tự cho là bất cập. Quan Đình úy rút kinh nghiệm, trị được gian trá.

SƠ QUẢNG

Sơ Quảng tự Trọng Ông, người Đông Hải, làm chức Thái tử Thái truyền, con trai người anh làm chức Thiếu truyền, ông ngoại Thái tử là Bình Ân hầu Hứa Bá làm chức Thái tử

ấu, người em của Bạch Sử Trung lang tướng tên là Thuần làm nhà giám hộ Thái tử. Nhà vua hỏi Sơ Quảng, Sơ Quảng đáp: “Thái tử là người kế ngôi vua như là vua phó, thầy bạn phải chọn những người anh tuấn trong thiên hạ, không nên chỉ là người bên họ ngoại. Vả lại Thái tử tự có quan Thái truyền, Thiếu truyền, các quan lại khác đều đã đủ. Nay thêm người Thuần làm nhà giám hộ Thái tử, cho thấy tình hình khiên cưỡng, không thể quảng bá đạo đức của Thái tử trong thiên hạ”. Nhà vua khen lời thâm hay, bảo Thừa tướng Ngụy Tương, Ngụy Tương gỡ mũ tạ tội thưa: “Bọn thần sơ sót chuyện này”. Vì thế, Sơ Quảng được coi trọng.

VU ĐỊNH QUỐC

Vu Định Quốc, tự Mạn Thiên, người Đông Hải. Cha ông là Vu Công làm chức Quận Quyết Tào, chuyên xử kiện. Làn quan xét xử, Vu Công quyết định tội trạng cho nhiều người mà không oán hận ông. Trong quận, nhân dân xây dựng một ngôi miếu thờ đề “Vu công từ”. Từ nhỏ, Vu Định Quốc được cha dạy về luật pháp, lớn lên được vua phong làm chức Đình úy; Trong khu xét xử định tội người dân, Vu Định Quốc thường quan tâm làm nhẹ cho những người quan quả cô đơn, sau khi đã cân nhắc rất kỹ. Triều đình khen ngợi nói: “Trương Thích Chi làm Đình úy, thiên hạ không có dân oan, Vu Định Quốc làm Đình úy, thì dân tự làm cho mình không oan”. Vu Định Quốc được thiên chuyển lên làm Ngự sử đại phu, rồi làm Thừa tướng. Trước đây, cha của Vu Định Quốc là Vu Công, thấy các vị phụ lão trong làng họp nhau cùng tôn tạo ngôi cổng làng, Vu Công bảo: “Làm cổng to cao, để xe tứ mã ra vào thông thả, ta xử án, chưa từng để ai bị oan, thì con cháu họ nhất định rất phẫn khởi”. Khi Vu Định Quốc làm Thừa tướng thì con trai ông làm Ngự sử đại phu, được phong tước hầu truyền đời.

TIẾT QUẢNG ĐỨC

Tiết Quảng Đức tự Trường Khanh, người Bái đô, là người ôn nhã. Làm đến Tam công, can gián vua bằng lời nói thẳng. Năm ấy vua Hán Thành đế tổ chức lễ tế giao, lễ xong thì tính tổ chức đi săn. Tiết Quảng Đức dâng thư rằng: “Thần trộm thấy nhân dân xứ Quan Đông đang rất khốn khổ, phải xiêu lạc khắp mọi nơi tìm đường sống, Bệ hạ mỗi ngày ham đánh chiêng nhà Tần, ham nghe nhạc nước Trịnh nước Vệ, thực lòng thần rất lấy làm khó chịu. Ngày nay sĩ tốt phải đội mưa dầm sương, các quan theo hầu đều vất vả mệt mỏi, mong bệ hạ cho hồi cung, là biết cùng lo với nỗi lo của nhân dân thì thật may cho thiên hạ”. Vua nghe theo ra về ngay hôm ấy. Mùa thu đến kỳ lễ tế tông miếu, nhà vua ra công tiện môn tính lên thuyền lâu, Tiết Quảng Đức đang ngồi dư xa, liền gõ mũ dập đầu lạy vua: “Nên đi cầu ván”. Vua chưa nghe. Tiết Quảng Đức thưa: “Bệ hạ không nghe lời thần, thần xin tự vẫn lấy máu làm bản lễ tế, bệ hạ không được phép vào trong miếu!”. Nhà vua không hài lòng. Quan Quang Lộc đại phu Trương Mãnh đang ở phía trước liền tâu: “Thần nghe chúa thánh thì có thần ngay thẳng, đi thuyền thì nguy, đi cầu ván thì yên ổn, thánh chúa không nên theo cái nguy. Nên nghe lời của Ngự sử đại phu”. Nhà vua bèn đi cầu ván.

VƯƠNG CÁT

Vương Cát tự Tử Dương, người Lang Da. Làm quan Gián Đại phu. Bấy giờ vua Hán Tuyên đế đang cho điều chỉnh một số vấn đề về cung thất, y phục, xe cộ thời Hán Vũ đế, phong phú rực rỡ hơn thời vua Hán Chiêu đế. Các họ ngoại vua như họ Hứa, họ Sử, họ Vương gần gũi vua được vua quý trọng, bổ làm quan, tham gia chính sự. Vương Cát dâng sớ nói về chuyện được mất rằng: “Ngày càng tỏ ra bệ hạ một tay nắm hết

vạn phương, mưu hoạch của bậc đế vương, lo nghĩ về đời sống, sao cho ngày một hưng thịnh và bình yên hơn, mỗi lần ban ra chiếu thư, nhân dân mừng rỡ như được sinh ra lần nữa. Thần cúi lạy mà nghĩ đến chuyện ấy, đáng gọi là chí ân nhưng chưa được là việc chính vậy. Muốn trị dân mà chúa không ra đời, sao công khanh được thời tao ngộ, nhà vua nghe theo lời can gián, nhưng chưa lập được sách lược lâu dài vạn thế, thì chưa bước lên được sự thịnh đạt minh chủ ở thời Tam đại vậy. Việc chỉ ở chỗ trên lý thuyết sách vở, xử đoán tù ngục kiện tụng mà thôi, đó không phải là nền móng của đời thái bình vậy. Thần nghe bậc thánh vương tuyên dương đức hạnh lưu hành để giáo hóa nhân dân, ắt tự phải gần gũi trước. Nếu triều đình không chuẩn bị đầy đủ thì khó mà dùng ngôn trị. Cận thần hai bên bất chính thì khó mà giáo hóa những người ở xa, người dân nhu nhược mà không thể trị, kẻ ngu si mà không thể khinh. Bậc thánh chúa một mình nơi thâm cung, được việc thì được thiên hạ xưng tụng, mà thất bại thì bị thiên hạ chê bai. Hành vi phát xuất từ gần tất sẽ thấy ở nơi xa, cẩn thận tuyển cận thần hai bên tả hữu, thẩm tra tuyển chọn cho kỹ. Bản thân những người thân cận với vua phải chính đáng thì mới tuyên giảng đạo đức ra ngoài được. Ngày nay, thông thường, quan lại trị dân, không có lễ nghĩa khoa cử, có thể thông hành đời đời, riêng lập ra hình pháp để thủ, tính là như thế thì được ổn định, không biết nguyên do của nó, dụng ý xuyên tạc, mỗi người đều muốn bảo thủ tất cả. Là vì trăm dặm không đồng phong hóa, trăm dặm không đồng tục lệ, thì sinh mầm mống trá ngụy, hình phạt vô độ, ngày càng mất tính chân thực chất phác, bậc bề tôi ngu người. Đức Khổng Tử bảo: “Việc trị dân tốt hơn hết, không gì bằng lễ”, không phải lời nói rộng suông. Thần mong rằng bệ hạ kế thừa thiên tâm, phát triển nghiệp lớn, cùng các quan công khanh đại thần, mời gọi gần gũi các nho sinh, xiển dương cự lễ, phát huy thánh chế, đuổi những người cả đời dấn lên lãnh vực nhân thọ, thì phong tục sao không sánh được với thời vua Chu Thành vương, Chu Khang vương, lẽ nào sống thọ không bằng như vua Cao tông chứ? Thần trộm cho

rằng xu thế ngày nay, không hợp với đạo đức, cần thận chỉnh đốn chỗ sai của tục nhà Tần, chỉ bệ hạ mới làm được vậy”. Ý của Vương Cát là nhà Hán bày ra chức Hầu nam lấy Công chúa con gái Thiên tử gọi là Thượng Công chúa, và người trong nước lấy con gái các chư Hầu gọi là Thừa Công chúa, khiến các ông chồng ấy phục vụ vợ, là trái nghịch âm dương, nên nhiều cô gái làm loạn. Người thời cổ, y phục xe ngựa, có phân biệt người sang kẻ hèn, để ca ngợi người có đức mà phân biệt tôn ti. Ngày nay trên dưới loạn xạ, mạnh ai nấy chế, là vì tham tài xu lợi, chẳng còn sợ chết. Nhà Chu sở dĩ cai trị tốt, không cần dùng đến hình pháp nhờ việc cấm gian tà từ căn nguyên, diệt sự ác ngay khi mới nảy mầm”. Vương Cát còn nói: “Vua Thuấn vua Thang không sử dụng các chức Tam công, Cửu khanh mà cử hiền như Y Doãn, Cao Dao thì bọn bất nhân thất đức tránh xa. Ngày nay cho phép quan lại được quyền sử dụng con em mình, khiến phần đông sinh kiêu ngạo, không biết cở kìm, không biết đến việc tích công trong việc cai trị, thật là vô ích, bài “Phạt đàn” là nói về việc ấy. Nên sáng suốt trong việc tuyển dụng cầu người hiền tài, bãi bỏ việc quan lại tự ý tuyển dụng con em của họ; người bên họ ngoại, đáng thì cho hậu hỷ tài sản, không cho chức vị. Bỏ nhảm nhí, giảm nhạc phủ, ít cúng tế rườm rà, làm cho nhân dân biết tiết kiệm. Nhân dân biết tiết kiệm thì biết quy về cái gốc, mà gốc vững thì ngọn sum suê”. Chỉ rõ như thế, nhà vua cho là lời tâu ấy là không đúng nên không chú ý lắm. Vương Cát cáo bệnh xin về nhà.

CỔNG VÕ

Cổng Võ tự Thiệu Ông, người Lang Da. Khi vua Hán Nguyên đế mới vừa lên làm vua, bổ nhiệm ông làm chức Giám Đại phu, thường hạ mình hỏi ông việc chính sự. Bấy giờ mùa màng không thuận lợi, các quận quốc gặp nhiều khó khăn. Cổng Võ tâu vua: “Người xưa có chế độ cho cung thất, cung

nữ không quá 9 người, ngựa kéo xe không quá 8 con, vách phòng không chạm trở sơn vẽ, xe cộ đồ dùng, đều không kiêu cạo vẽ vờ, vườn cảnh rộng không quá mười dặm, sinh sống như nhân dân; tín nhiệm bậc hiền đức sử dụng bậc có năng lực, đóng thuế một phần nhỏ, không để lao động công ích chông rợ. Nhưng, mỗi năm dân đi lao công không quá 3 ngày, nên nhân dân đi làm đủ người đủ ngày công. Đến thời các vua Cao tổ, Hiếu Văn, Hiếu Cảnh nhà Hán ta, theo xưa tiết kiệm, cung nữ không nhiều hơn 10 người, ngựa kéo xe không quá một trăm con. Vua Hán Hiếu Văn áo vải lụa pha bông, dép da, đồ dùng không chạm trở khảm vàng khảm bạc, còn các đời vua sau thì tranh nhau xa xỉ, ngày càng lạm, bầy tôi cũng theo đó mà vung tay, ăn mặc giống như vua, rất là vô lễ. mà không tự thấy như thế là hỗn hào với vua mình. Ngày nay quan Đại phu hành vi tiếm vua chư hầu, vua chư hầu thì tiếm thiên tử, thiên tử thì làm lỗi thiên đạo, đã xảy ra quá lâu rồi vậy. Cứu loạn trong lúc này, chỉnh lý theo cổ nằm trong tay của bệ hạ. Hạ thần ngu muội cho rằng khó thể theo hết cổ xưa mà có thể điều tiết bất chước theo thôi. Ngày nay cung thất đã ổn định, không phải tính gì nữa, ngoài ra đều nên giảm bớt. Thời xưa Tề tam phục quan, trâu vật không quá 10 sọt, ngày nay Tề tam phục quan, một năm tốn phí nhiều vạn. Quảng Hán ở quận Thục chủ yếu đồ dùng bằng vàng bạc, mỗi năm đều dùng năm trăm vạn. Quan Tam công, chi phí việc quan năm ngàn vạn, đông tây chức thất cũng như vậy. Ngựa kéo xe ăn lúa, cả vạn con. Thần Công Võ, thường được tháp tùng Đông cung chứng kiến tứ bôi án, tận văn họa, kim ngân sức, không lý do chính đáng mà ban cho hạ thần. Chi phí của Đông cung, cũng tốn hao không biết bao nhiêu mà kể, dân trong thiên hạ, vì thế mà phần nhiều chết đói. Nay dân đói quá thì chết, con người tìm ăn đến mức lấy cả lúa cho ngựa ăn, Nhà vua được trời phú mệnh cho, làm cha mẹ dân, chắc phải như thế nào sao? Trời không thấy chẳng? Thời vua Vũ đế, lại tuyển nhiều cung nữ, đến cả ngàn

cô, đầy nhóc hậu cung, đến nỗi mất thiên hạ. Vua Hán Chiêu đế nhỏ dại yếu đuối, Hoắc Quang nắm hết mọi việc chính sự, không theo lễ chính, mà chỉ lo chuyện tiền bạc của cải, bách cử thập vật như chim thú cá rùa ba ba, lo chôn giấu tài sản, lại đều bám giữ gài gú nơi hậu cung, bố trí viên lăng rất là thất lễ, ngược với ý trời. Yếu giá của vua Hán Chiêu đế, do một tay Hoắc Quang phục vụ. Đến thời vua Hán Hiếu Tuyên hoàng đế, quần thần cũng theo vết vua cũ, rất là đau lòng! Vì thế, bảo thiên hạ tiếp nhận giáo hóa, cho đến khiến nhân dân chôn cất, đều trên đất trống để chứng thực đất ở.

Lỗi phát sinh từ trên, rồi tội của các đại thần noi theo lỗi ấy. Chỉ có bệ hạ khảo sát cho thật sâu đạo lý xưa, theo đức tính cần kiệm của các tiên đế, giảm hết mức sự hao tổn về y phục, xe cộ cùng các đồ ngự khí, ba phần bỏ hai phần; bệ hạ thăm sát nội cung, chọn ra người có tài đức, chỉ giữ lại vài mươi người, còn lại cho về nhà. Các vườn nuôi chim thú chỉ sử dụng phụ nữ, không giữ nam giới, ngựa kéo xe chỉ nuôi vài mươi con. Chỉ còn một vườn thượng uyển phía nam thành Trường An làm nơi nuôi thú phục vụ vua đi săn mà thôi. Còn từ tây nam thành Trường An đến huyện Hộ đều phát cho dân nghèo làm ruộng. Nhân dân đang mùa thiếu đói, dân nghèo tự làm ra lúa gạo mà triều đình đỡ phải cứu trợ; như vậy có phải là hợp với ý trời hay không? Trời sinh ra bậc thánh nhân coi sóc che chở cho vạn dân, không phải chỉ riêng vui cho người nào. Có lòng nhân ái mà chẳng khiêm nhường, chỉ riêng các bậc có thánh tâm mới có thể sánh với trời đất, lường trước đo sau, tham khảo chuyện xưa, việc to lớn ấy nhà vua không cần bàn luận lấy ý kiến của bầy tôi. Thần Cống Võ không thể khư khư giữ riêng cho mình, không dám không tận tâm bẩm báo”. Nhà vua nghe theo Cống Võ, hạ chiếu ra lệnh cho quan Thái Bộ giảm lúa ăn của ngựa, giảm thịt của đội thủy hành, giảm vườn thượng uyển xuân hạ, phát đất cho dân nghèo. Nhà vua cũng cho bãi bỏ tổ chức hội vui cũng như không còn tam phục quan mà chỉ giữ

một loại, thăng Công Võ lên chức Quang Lộc Đại phu. Công Võ lại tâu: “Thời vua Hán Hiếu Văn hoàng đế, quý trọng liêm khiết, ghét bần ô, thưởng thiện phạt ác, không dựa vào họ hàng nội ngoại, giết kẻ tội đồ sau khi làm rõ, nghi ngờ thì cùng dân quyết xét, không cho phép dùng tiền của chuộc tội, cho nên sau khi mệnh lệnh ban hành, xã hội rất yên trị đại hóa mà không khác dụng hình phạt áp đặt Vua Hán Vũ đế khi mới lên ngôi, tôn hiền dụng sĩ, mở rộng đất đai ra mấy ngàn dặm. Tự cho mình có đại công, dần dần buông thả thị dục. Dùng không đủ, sinh ra biến động, cho kẻ phạm pháp được chuộc tội bằng tiền của, bổ dụng làm quan lại cho kẻ nộp lúa cho triều đình. Thiên hạ ngày càng xa xỉ, quan loạn dân nghèo, bọn đạo tặc nổi lên như rươi, bọn vong mệnh liều lĩnh ngày càng đông. Các quận quốc lo sợ, phục hồi hình phạt tử hình; chọn các sử thư xảo biện, tập hợp sổ bạ tuyển những tay mạnh khỏe có khả năng trấn áp nhân dân dùng bạo lực hà khắc uy phục kẻ dưới, thì có địa vị cao.

Cho nên kẻ bất nghĩa mà có tiền của được nổi tiếng ở đời. kẻ khinh mạn mà giỏi ăn nói, thì được tôn trọng ở triều đình. Kẻ bội nghịch mà mạnh mẽ thì được giới quan lại tôn trọng. Cho nên trong dân gian có câu: “Hiếu để mà làm gì? Nhiều của mới vinh quang, lễ nghĩa mà làm chi? Sử thư mà sĩ hoạn. Cẩn thận mà làm chi? Cứng mạnh thì làm quan”. Cho nên các loại hình phạt từ khắc chữ lên trán rồi bôi mực đen, cắt mũi, cắt tóc, kẹp da thịt, vẫn còn lỏng tay, làm chính sách ở đời mà thi hành cho dù đối loài chó lợn, nhà giàu nắm giữ chân, mắt nhìn tay chỉ sai bảo được cho là người hiền vậy. Gọi người làm quan làm giàu từ việc cai trị là tay hùng kiệt, người xử tội bọn gian tà được lợi thì được cho là tráng sĩ. Anh khuyến khích em, cha khích lệ con, thói tục bại hoại đến như thế đấy! Xét về nguyên nhân của tình trạng bại hoại ấy, do việc cho kẻ phạm pháp được dùng của cải để chuộc tội, cầu chẳng được người thực hiện tài, mà chỉ toàn những tay tôn sùng tài lợi. việc trừng phạt làm chẳng đến nơi đến chốn. Ngày nay muốn

làm cho việc cai trị được hưng thịnh cho đất nước thái bình, thì trước hết bỏ lệ chuộc tội bằng của cải. Việc tuyển cử người hiền tài phải công khai, không còn tình trạng dăm dúi. Quan làm không được việc thì trị tội, có thể cách chức; thì ai ai cũng tranh nhau làm tốt, quý chuyện hiếu đễ, ghét kẻ gian dối, tiến cử người thực tài đức, cử người thực sự liêm chính, thì thiên hạ yên trị vậy.

KHÔNG TỬ

Không Tử, người thất phu mà thôi, lấy tinh thần vui đạo, chính thân không ngừng làm cơ bản. trong cõi bốn biển, làm vua thiên hạ, theo lời của Không Tử thì không gì là không chiết trung. Huống hồ đất đai nhà Hán rộng lớn, bệ hạ có đức làm ông vua tôn quý, vì được thiên địa trợ giúp trong việc biến đổi các dị tục trong đời, điều hòa âm dương, nặn đúc nên vạn vật, hóa chính thiên hạ, khiến cho thông suốt mọi sự, chế ngự các thói truy lạc. Từ thời vua Chu Thành vương, Chu Khang vương đến nay, cả ngàn năm, ai cũng mong được yên trị, nhưng thái bình không được phục hưng, tại sao vậy? Tại vì bỏ cả pháp độ mà làm theo ý riêng, tiêu xài xa xỉ mà thiếu nhân nghĩa. Bệ hạ thành tâm nhờ nghĩ đến những gian khổ của đức Cao tổ từng trải qua, thuận pháp cai trị của vua Thái tông; chính thân mình làm trước tiên, để tự mình chiêu徠 hiền tài. Mở đường tiến thân cho người trung chính, giết hết bọn gian thần, đuổi cổ bọn siểm nịnh: Giải phóng cho phụ nữ trong viên lăng, bãi bỏ ca hát, cấm hẳn nhạc uỷ mị dâm đẳng của nước Trịnh, bỏ việc giảng trường vui chơi, trả hết đồ vật nguy bạc, giáo hóa cho dân tính cần kiệm, xua toàn dân tập trung làm nông. Như thế thì không ai lười biếng, sánh ngang hàng thời Tam vương, bắt kịp thời Ngũ đế. Bệ hạ chỉ cần lưu ý xem xét thì thiên hạ rất may mắn vậy”. Nhà vua tuy chưa theo hết, nhưng nói chung là đồng ý phân nửa.

BÀO TUYÊN

Bào Tuyên tự Tử Đô, người Bột Hải, làm chức Giám Đại phu. Ông viết thư can gián rằng: “Thần trộm nghe thời vua Hiếu Thành hoàng đế, người họ ngoại nắm hết quyền hành, lấy của công làm của tư, lũng đoạn triều đình, cản trở bước tiến của người hiền tài, làm vẩn đục xã hội, ăn chơi xa xỉ vô độ, khiến nhân dân cùng khốn. Bấy giờ trời ra điềm đất nước nguy vong, nhật thực cả chục lần, sao chổi bốn bận, bệ hạ đích thân chứng kiến. Ngày nay bệ hạ làm thay đổi như thế nào đây? Triều thần không có ai có bản lĩnh như một nhà đại Nho kỳ cựu tài giỏi xuất sắc. Mẫu kẻ sĩ luận nghĩa thông suốt cổ kim, thông hiểu lòng dân, ưu tư việc nước như người đói khát, thì thần chưa thấy một ai cả. Bệ hạ muốn những người như vậy cùng với mình thừa thiên địa, an xã hội, thì rất là khó. Ngày nay, người ta quen cho những người không biết gì mà lợi khẩu là những người có năng lực, cho bậc trí ít nói là không có khả năng. Ngày xưa vua Nghiêu đầy bốn tên tội nhân đầu sỏ đi vùng xa, mà được thiên hạ khâm phục, còn ngày nay, trừ diệt một viên lại mà nhân dân đều rung động; người bị hình phạt thời xưa còn cảm phục, người được thưởng ngày nay thì phản cảm. Kho đụn quốc gia trống rỗng, chẳng đủ tiêu dùng; nhân dân lưu tán, mỗi năm mỗi tăng. Thông thường khi âm dương bất hòa, nhân dân bị bảy cái mất, đó là: Cái mất thứ nhất là trời giáng lụt lội hạn hán; cái mất thứ hai là huyện quan trọng trách, tăng thu thuế má; cái mất thứ ba là quan tham xử lý việc công, liên tục ăn của đút; cái mất thứ tư là cường hào, họ tộc lớn ăn hiếp dân không biết sợ; cái mất thứ năm là quan ác hành dân lao động công ích nhiều, ảnh hưởng xấu đến nghề nông tang; cái mất thứ sáu là người dân bộ lạc ta ré, khiến trai gái giá liệt; cái mất thứ bảy là trộm cướp tàn ác, cướp lấy tài vật của dân. Ngoài bảy cái mất ấy còn có bảy kiểu chết; kiểu chết

thứ nhất là quan lại tàn khốc, giết người bừa bãi; kiêu chết thứ nhì là quan ngục hiểm ác; kiêu chết thứ ba là gièm pha vu cáo người vô cô; kiêu chết thứ tư là trộm cướp hoành hành; kiêu chết thứ năm là thù oán giết hại nhau; kiêu chết thứ sáu là gặp năm mất mùa đói kém tràn lan; kiêu chết thứ bảy là gặp năm thời khí độc hại, dịch bệnh bùng phát. Nhân dân có bảy cái mất, không được cái gì, mà mong nước nhà an ổn thì thực rất khó. Nhân dân gặp bảy cái chết, không có lấy một con đường sống, mà mong tội hình chỉ bị phạt thôi, khỏi tội chết thì thật là khó. Quản thân may được ngồi vào địa vị tôn quý, được hưởng bổng lộc hậu hĩnh, thì liệu có lòng trắc ẩn với người dân đen và giúp bề hạ trong sự nghiệp giáo hóa hay không? Họ chỉ có chí làm lợi cho nhà họ, xưng là tân khách làm lợi riêng cho họ mà thôi. Bề hạ cất nhắc cho bày tôi tính toán riêng tư, mà mong đem về chút lợi cho mình, thì là mong muốn không hề thực tế!

Thiên hạ là thiên hạ của ông trời, Bề hạ với trên là con ông trời, với dưới là cha mẹ dân, cho nên vì trời mà dưỡng dục trăm họ (nguyên nguyên), thị chi đương như nhất, hợp với bài thơ “Thi cưu”. Ngày nay dân nghèo ăn rau trừ bữa, y phục tả toại, chồng vợ cha con chẳng lo được cho nhau, thật là đau xót. Bề hạ không cứu đồ thừa cho vận mệnh hay sao? Bề hạ tư dưỡng bà con bên ngoại cùng với hạnh thần Đồng Hiền, ban thưởng nhiều đến số vạn, sai nô tì chăm tiếp rượu thịt cho khách khứa, đầy tớ gọi là lư nhi đều dùng trí phú, không đúng với ý trời. Đến như Nhữ Xương hầu truyền thương, vô công nhi đối. Phàm quan tước, chẳng phải quan tước của bề hạ, mà là quan tước của thiên hạ. Bề hạ thủ phi kỳ quan, quan phi kỳ nhân, (giữ cái không phải là quan, mà quan không phải là người), mà mong trời duyệt dân phục, bất diệc nan hồ! Việc cai trị thiên hạ, phải dùng cái tâm của thiên hạ làm tâm của mình, không được tự ý mình được đâu. Từ trên cao ông trời trách phạt, ở dưới nhân dân oán hận”. Nhà vua tuyên dương nhà Nho, thấy người ưu tú thì nạp dụng. Bảo Tuyên lại dâng thư rằng: “Bề hạ cha thì thờ trời, mẹ thì thờ

đất, con thì nuôi dưỡng nhân dân; từ khi bệ hạ tức vị đến nay, cha thiếu sáng suốt, chần động, con ăn nói tầm xàm kinh khủng. Ngày nay nhật thực nơi tam thủy (năm có tuế triều, nguyệt triều, nhật triều là tam thủy). Thật đáng sợ hãi, tiểu dân, ngày mừng một tháng giêng, còn sợ khí vật hư hỏng, hướng chỉ việc giảm bớt ngày”.

NGUY TƯƠNG

Nguy Tương tự là Nhượng Ông, người Tế Âm, làm chức Thừa tướng. Vua Hán Tuyên đế cùng nhóm Hậu tướng quân Triệu Sung Quốc bàn nhau, nhân lúc Hung Nô suy yếu đem quân đánh chiếm miền đất bên phải nước Hung Nô, khiến cho chúng không còn dám quấy nhiễu miền Tây Vực. Nguy Tương dâng thư can gián rằng: “Thần nghe việc cứu loạn giết kẻ bạo ngược, gọi là nghĩa binh, binh nghĩa là vua; địch gia tăng của họ, không khởi, gọi là ứng binh, binh ứng thì thắng; tranh hận vì có nhỏ, không dần nổi cơn giận gọi là phản binh, binh phản thì bại; chiếm đất người ta làm lợi cho mình, gọi là tham binh, binh tham thì tan vỡ. Ý mình nước lớn đông dân, muốn ra oai với nước địch nhỏ, gọi là kiêu binh, binh kiêu thì bị tiêu diệt. Năm loại binh ấy, không chỉ là chuyện con người mà là đạo trời. Nước Hung Nô xưa nay có thiện ý, cùng ta hòa hiếu được lòng người Hán, liên tiếp thuận phục, chưa từng xâm phạm biên cảnh, tuy có vài lần tranh chấp đồn điền, đụng độ quân đội hai bên, chưa đủ có đánh nhau. Nay nghe các vị tướng quân tính chuyện hưng binh đánh vào nước Hung Nô, thần ngu muội không biết ta khởi binh là loại binh gì. Ngày nay quận vùng biên thiếu đói khôn khổ, cha con cùng mặc một chiếc áo ấm, ăn uống thiếu đói phải ăn rau là chính, đang khi sợ rằng có thể tự mình tồn tại được hay thì khó mà động binh. “sau chinh chiến, là ba năm khôn khổ”. Lời đồn của nhân dân nghe khí sâu khổ, tổn thương sự hòa hợp âm dương. Ra quân tuy thắng, còn nổi lo đói

khổ về sau, sợ biến đổi sinh ra nhiều tai hại, Ngày nay các quan coi quận quốc phần đông không phải là những người thực tài, phong tục rất bạc bẽo, nạn hạn hán lụt lội bất thường. Theo thống kê năm nay, vụ việc con em giết cha anh, vợ giết chồng có đến 222 người. Thần ngu si cho rằng đó không phải là biến động nhỏ. Ngày nay những người thân cận tả hữu của bệ hạ không lo vụ việc ấy mà chỉ tập trung khởi binh báo cái phần nộ nơi biên giới di địch xa xôi. Đức Khổng Tử đã nói: “Ta sợ cho nỗi lo của Quý Tôn về nơi xa xôi, mà tại trong vách nhà”. Mong bệ hạ bàn luận cùng các bậc thức giả, xem kỹ lại”. Nhà vua theo lời của Ngụy Tương cho ngưng việc động binh.

BÍNH CÁT

Bính Cát tự Thiệu Khanh, người nước Lỗ. thay Ngụy Tương làm chức Thừa tướng. Bính Cát xuất thân làm một chức nhỏ ở nhà ngục, rồi lần lượt được thăng đến vị thế Thừa tướng. Tính ông rất khoan dung, sống rất lễ nhượng, Ông thường đi ra ngoài, gặp trên đường đám đông chém nhau, thấy người chết la liệt, Bính Cát đi qua không hỏi han gì, Thoán sử riêng lấy làm lạ. Bính Cát đi trước gặp người đang lừa đàn bò, thấy bò thở gấp, Bính Cát bảo dừng lại sai quan cưỡi ngựa đến hỏi: “Lừa bò đi mấy dặm vậy?” Thoán Sử hỏi Thừa tướng sao không hỏi vụ người chết mà chỉ hỏi bò thở gấp. Bính Cát trả lời: “Dân đánh nhau chết người là chuyện của quan Trường An lệnh Kinh Triệu Doãn cử người tìm bắt hung thủ, Thừa tướng chỉ thụ lý báo cáo rồi tâu đề nghị thưởng phạt mà thôi. Tể tướng không đích thân rỏ vào các chuyện nhỏ, không trực tiếp hỏi han chuyện đánh nhau trên đường. Đang mùa xuân chưa nóng nực quá mà bò thở gấp là tiết trời có vấn đề, e rằng đàn bò bị thương tổn. Diễn của âm công điều hòa âm dương, lo nên mới hỏi”. Thoán Sử lấy làm khâm phục, cho rằng Bính Cát nắm đại thể là đúng.

KINH PHÒNG

Kinh Phòng tự Quân Minh, người Đông Đô, được tiên cử Hiếu liêm rồi được bổ làm quan. Bấy giờ quan Trung thư lệnh là Thạch Hiên chuyên quyền, Thạch Hiên có người bạn là Ngũ Lộc Sung Tông làm chức Thượng thư lệnh, vốn là cùng quê với Kinh Phòng. Hai người bàn luận việc gì cũng đều trái nhau. Có dịp, Kinh Phòng thường hỏi vua: “Hai ông vua Chu U vương, Chu Lệ vương sao bị nguy nan? Ai là người chịu trách nhiệm?” Nhà vua nói: “Vua bất minh, mà tin dùng bọn xảo trá nịnh nọt”. Kinh Phòng nói: “Biết kẻ ấy xảo nịnh mà sao còn sử dụng? như sử dụng người tài đức vậy?” Nhà vua nói: “Như người hiền”. Kinh Phòng nói: “Còn ngày nay thì làm sao biết người ấy không phải là người hiền?” Nhà vua nói: “Trong khi loạn mà vua bị nguy thì biết “. Kinh Phòng nói: “Như vậy, tín nhiệm người hiền thì nước yên trị, tín nhiệm người không hiền thì nước loạn, đạo lý tất nhiên là như vậy. Chu U vương, Chu Lệ vương sao không cảm nhận như thế mà cầu hiền, để phải tín nhiệm bầy tôi bất tiết, để đến nỗi như vậy?” Nhà vua nói: “Một ông vua gặp phải khi nước loạn, nếu các bầy tôi đều hiền tài thì thiên hạ làm gì có vua nguy vong chứ” Kinh Phòng nói: “Vua Tề Hoàn công, vua Tần Nhị thế cũng thường được nghe về loại vua như vậy mà không cười chê họ, nên họ tín nhiệm những bầy tôi dua nịnh bất tài như Thụ Điêu, Triệu Cao, chính trị ngày càng loạn, trộm cướp đầy núi rừng, sao hai vua ấy không xem cái gương U, Lệ mà giác ngộ?” Nhà vua nói: “Chỉ có đời hữu đạo mới có thể lấy quá khứ làm bài học cho tương lai mà thôi”. Kinh Phòng liền gõ mũ sụp lạy, nói: Sách Xuân thu đã ghi 242 năm tai dị, để cảnh báo cho các vua vạn thế. Bệ hạ từ khi tức vị đến nay, mặt trời mặt trăng không còn sáng, muôn sao đi ngược, núi lở nước lụt, đất chuyển đá lặn: Mùa hạ sương giáng, mùa đông sấm sét, mùa xuân tàn héo, mùa hạ xanh tươi; nạn lụt lội, nạn hạn hán, nạn sâu hại lúa, nhân dân bị dịch bệnh đói khát, trộm cướp nổi lên, kẻ tội đồ nhan nhản nơi thị tứ, sách Xuân thu chép, thiên

tai địa dị xảy ra liên miên. Bệ hạ cho rằng ngày nay là trị hay là loạn? “Nhà vua nói: “Cũng rất loạn đấy, phải làm sao đây!”. Kinh Phòng nói: “Ngày nay bệ hạ đang tin dùng ai vậy?” Kinh Phòng nói: “Phàm các vua đời trước, cũng đều như thế cả. Thần e rằng vua sau này nhìn đời bây giờ, như bây giờ ta nhìn đời trước ta vậy”. Nhà vua im lặng hồi lâu rồi nói: “Đời nay loạn là vì ai?” Kinh Phòng nói: “Minh chúa nên tự tìm hiểu”. Vua nói: “Không biết được, nếu biết thì sao sử dụng?” Kinh Phòng nói: “Vua quá tín nhiệm, cùng bàn mưu tính kế nơi màn trướng bí mật, kẻ sĩ trong thiên hạ tiến thoái từ nơi ấy”. Kinh Phòng chỉ Thạch Hiễn, nhà vua hiểu ra, bảo Kinh Phòng: “Đã bàn luận rồi”. Kinh Phòng lui ra. Về sau, Thạch Hiễn, Ngũ Lộc Sung Tông đều ghét Kinh Phòng, muốn đày đi làm quan nơi vùng sâu vùng xa, kiến nghị với vua bổ nhiệm Kinh Phòng làm Quận thú. Vua Hán Nguyên đế bổ nhiệm Kinh Phòng làm Thái thú Ngụy quận. Thạch Hiễn tố cáo Kinh Phòng thông mưu cùng Trương Bác, phỉ báng chính sách, nói xấu thiên tử, lừa dối các vua chư hầu, Kinh Phòng, Trương Bác đều bị đày đi xa.

CÁI KHOAN NGHIỆU

Cái Khoan Nghiêu, tự Thúc Công, người Ngụyquận, làm chức Tư lệ Hiệu úy. Các vị từ công khanh quý thích đến các viên quan cấp quận, khi đến kinh đô Trường An, không dám vi phạm điều cấm nơi kinh sư. Cái Khoan Nghiêu là người cương trực có khí tiết cao, dốc lòng phụng sự việc công. Nếu nói không hết ý thì viết thành văn để khuất phục, quan Đại phu Trịnh Xương dâng thư lên vua ca tụng Cái Khoan Nghiêu rằng: “Thần nghe núi có mãnh thú, mãnh thú không ăn rau rác. Nước có trung thần, thì bọn gian tà không làm gì được. Quan Tư lệ hiệu úy Cái Khoan Nghiêu, ở không cầu sang, ăn không cầu ngon, một lòng ưu tư quốc gia vì sự tiến bộ của nước nhà,

nếu vì nước thà phải chết cho trọn nghĩa. Ông không phải như ông ngoại Hứa Bá của nhà vua, cũng không phải như Sử Cao, bên ngoại nhà vua, ông không có vàng của Trương An Thế gởi, ông làm chức quan thuộc ty Sát, thẳng đường mà đi, nhiều kẻ ghét ít người vừa lòng. Dâng thư trình bày việc nước, quan Hữu ty hạch tội tử hình. Thần may được theo hầu quan Đại phu, quan can gián gọi đến, không dám không lên tiếng”. Nhà vua không nghe, hạ chức của Cái Khoan Nghiêu. Cái Khoan Nghiêu dùng đao tự tử nơi bắc khuyết. Dân chúng không ai không thương tiếc cả.

GIA CÁT PHONG

Gia Cát Phong, tự Thiếu Quý, người Lang Da, làm chức Tư lệ Hiệu úy. Quan Thị trung là Hứa Chương, sống xa hoa dâm loạn không giữ pháp độ, các tay vi phạm đều có liên quan với Hứa Chương. Gia Cát Phong hạch tội Hứa Chương, tính bất giữ. Hứa Chương sợ quá, lên xe chạy trốn. Gia Cát Phong vào cung, dâng thư tạ tội rằng: “Thần là Phong kém cỏi, văn không đủ khuyến thiện, võ chẳng đủ sức trị bọn gian tà, được bệ hạ phong làm chức Tư lệ Hiệu úy, chưa làm được gì hữu ích cho quốc gia. Nên thường thề rằng đem sinh mạng mình chém đầu bọn gian thần, treo nơi đô thị, báo rõ tội của chúng, cho người khắp bốn phương biết rõ hình phạt đối với tội trạng tà ác của chúng thì thần mới thực sự hài lòng. Ngày nay lấy sự to lớn của bốn biển, đã từng không có bậc thần tử thà chết giữ nghĩa, mà chịu cầu hợp làm theo số đông, chỉ lo tư lợi cho nhà mình, quên mất chính sách của quốc gia. Không khí tà uế, hỗn浊, trên thì cảm tới trời, qua việc biểu thị các tai biến, tình trạng khốn đốn thiếu đói của bách tính. Đó là dấu hiệu bất trung của hạ thần khiến thần rất lấy làm hổ thẹn. Thần trộm cho rằng không tránh được phiền muộn mong được ban thanh yển, chỉ một mình bệ hạ quyết định được mà thôi”. Nhà vua không hứa.

Về sau thì lời tâu càng không ai dùng đến. Gia Cát Phong lại viết thư tâu: “Thần nghe Bá Kỳ có hiếu mà bỏ mạng, Tử Tế tận trung mà bị vua mình giết, Ân Công hiền lành mà bị chết bởi tay người em của mình, người em của Thúc Vũ giết anh mình. Phàm bốn người ấy đều có tài đức mà do không có khả năng tự biểu lộ, đến nỗi phải chết, há chẳng đáng xem xét rút ra bài học hay sao? Bây tôi chịu chết để yên nước nhà, thần thành thật mong được như vậy để tôn vinh vua mình. Chỉ sợ là khi chưa đầu vào đầu, thì bị bọn tà gian phỉ báng, khiến bọn nịnh thần được toại ý, con đường chính trực bị lấp xóa, lòng người trung thần bị ngăn trở, bậc sĩ mưu trí không mở miệng, đó là điều mà thần sợ nhất”.

LUU PHỤ

Lưu Phụ, người Hà Giang, làm chức Giám Đại phu. Khi vua Thành đế muốn lập nàng Tiệp dư họ Triệu làm Hoàng hậu, Lưu Phụ dâng thư can: “Đất nước có thể sụp đổ vì tình cảm bức xúc, người con gái ti tiện không sợ trời không thẹn với mọi người, muốn lên làm chuyện động trời là làm mẫu nghi thiên hạ. Lý Ngữ có câu: “Gỗ mục không dùng làm cột trụ được, kẻ hèn hạ không thể làm chủ được”. Trời người không đồng tình thì bị họa hoạn hơn là được hưởng phước lộc, từ đô thị đến nông thôn đều biết rõ cả, triều đình và nhân dân đều khẳng định một lời, thần trộm thấy đau lòng. Tự tính trong đầu được người cùng họ đề bạt, thi lộc bất trung, quan giám nghị bị nhục nhã, không dám can vua sợ phải chết, mong bệ hạ xem xét sáng suốt”. Nhận thư, nhà vua sai quan Thị Ngự sử bắt trói Phụ, giam vào ngục bí mật. Quan thần không biết đầu đuôi. Bấy giờ quan Tả tướng quân là Tân Khánh Ky, Hữu tướng quân Liêm Bao, Quang Lộc huân Sư Đan, Thái trung đại phu Cốc Vĩnh đều dâng thư rằng: “Chúng thần nghe minh chúa thường có tiếng khoan dung, tôn trọng quan can gián, mở rộng con đường

trung trực, không bắt tội kẻ nói năng ngông cuồng, thì bách quan trong triều mới hết lòng bày mưu tính kế, không sợ hậu hoạn. Triều đình không có kẻ siểm nịnh, thì đạo trời mới không bị sai lầm làm sai lạc đi. Trộm thấy quan Gián nghị Đại phu Lưu Phụ, trước làm huyện lệnh được thăng lên làm Gián nghị đại phu, trong lời tâu hần có chỗ làm hài lòng bệ hạ, nên mới được bệ hạ đề bạt. Trong mười ngày qua, bị giam vào ngục riêng; chúng thần ngu muội cho rằng Lưu Phụ may được cùng họ với nhà vua, trong số các vị Gián quan, thì Lưu Phụ mới vào nghề, chưa hiểu hết thể chế triều đình. Làm chuyện kỳ hủ, chưa phải lỗi quá nặng. Tội nhỏ nên ỉn nhĩn mà thôi. Nếu phạm tội đại ác thì nên trị tội nặng như mọi người khác. Nay lòng trời chưa vui, tai họa ập xuống, lũ lụt hạn hán lần lượt tập tới. Mà vội thi hành việc giết quan gián nghị thâm thì chấn động mọi người, mất lòng trung trực. Giả như Lưu Phụ không nói lời thẳng thắn, cứ ngồi yên chức vị, thiên hạ không thể hiểu. Hiện cận thần cùng tộc Lưu, vốn có tiếng ăn nói, vì ý nghĩa trị thân dưỡng trung, thành thật không nên nhót tù Lưu Phụ nơi nơi dịch đình. Từ bậc công khanh trở xuống, thấy bệ hạ tiến dụng Lưu Phụ rồi trị tội quá nặng, ai cũng dâm sợ bệ hạ, không dám tận lực nói thẳng, không phải khen những điều hay thời nhà Ngu, mà quảng bá phong thái mỹ đức. Chúng thần trộm lấy làm thương xót lắm, mong bệ hạ lưu ý xem xét lại cho” Nhà vua cho giảm tội Không Tử hình.

TRỊNH SÙNG

Trịnh Sùng tự Tử Du, gốc người Cao Mật. Vua Hán Ai đế thăng lên chức Thượng thư Bộc xạ. mấy lần cầu gặp vua đế can gián, ban đầu vua nghe theo. Mỗi lần đi gặp vua, Trịnh Sùng mang giày da, vua cười nói: “Ta nghe tiếng giày da của Trịnh Thượng thư”. Lâu sau, vua muốn phong cho Phó Thương, em bà tổ mình là Phó Thái hậu, Trịnh Sùng can vua tâu rằng: “vua

Hiếu thành hoàng để phong cho người cậu tước ngũ hầu, trời khiến ban sáng và chiều muện bầu trời màu đỏ vàng,. trong vàng mặt trời có hắc khí. Ngày nay hai người anh em của đức tổ mẫu đã được phong tước hầu, cha của Hoàng hậu là Khổng Hương hầu; Cao Vũ hầu dùng phong Tam công, còn có nhân duyên. Nay vô có muốn phong cho Phó Thương, thì rối loạn chế độ, trái với lòng trời lòng người, không phải là phước của họ Phó vậy. Thân xin đem tính mạng mình ra nói đó là sai lầm”. Trịnh Sùng đưa chiếu thư ra. Thái hậu nổi giận hét: “Làm vua như vậy sao, để cho một tên phản thần nói bậy nói bạ như vậy!”. Nhà vua bèn ban chiếu phong cho Phó Thương tước Nhữ Âm hầu. Trịnh Sùng còn thấy Đồng Hiền được vua sủng ái quá độ, mấy lần can vua, vì vậy mà mắc trọng tội, bị khiển trách mấy lần, Trịnh Sùng bị phát khỏi ung thư nơi cổ, muốn xin nghỉ việc, nhưng không dám. Quan Thượng thư lệnh là Trịnh Xương siểm nịnh, tố cáo làm hại Trịnh Sùng, tri kỳ kiến sơ, nên tâu rằng Trịnh Sùng tư thông cùng họ tộc mình làm chuyện gian trá, xin nhà vua nghiêm trị. Nhà vua trách Trịnh Sùng rằng: “Quân môn như ái chợ, tại sao dùng nó để cấm chúa thượng?” Trịnh Sùng trả lời: “Thần môn như chợ, lòng thần như nước. Mong được khảo phúc”. Vua giận, cho bỏ tù Trịnh Sùng, bị trừng trị nặng nề, Trịnh Sùng chết trong ngục.

TIÊU VỌNG CHI

Tiêu Vọng Chi tự Trường Thiên, người Đông Hải, làm Giám đại phu. Xuất thân làm Thái thú Bình Nguyên, dâng sớ tâu: “Bệ hạ thương xót con dân, sợ rằng họ không nghiêm cứu kỹ đức hóa của triều đình, nên đặt ra chức giám quan, để bổ sung cho các quan quận, đó được gọi là lo cái ngọn mà quên cái gốc. Nước không có các bậc đạt sĩ thì không thể có kế sách hay. Mong bệ hạ tuyển dụng được những bậc sĩ giỏi thuật minh kinh, về làm bày tôi thân tín, tham gia chính sự, ôn cố tri tân,

rồi nhờ các kẻ sĩ mưu lược cơ trí, các chư hầu nghe tiếng, sẽ cho rằng triều đình biết lo cho đất nước. Nghe lời can gián, thì không còn có khuyết điểm, nếu được như vậy thì đạo của vua Chu Thành vương, vua Chu Khang vương có đáng gì chứ! Khi đó thì các quận ở ngoài bất trị, liệu có đáng lo không?” Vua được thư, trung nhập Tiêu Vọng Chi vào Thủ Thiệu phủ, làm chức Ngự sử đại phu. Trong thời Ngũ phượng, nước Hung Nô bị rối loạn, nhiều người bàn rằng, từ lâu Hung Nô đã gây hại cho Trung Quốc, nhân lúc chúng đại loạn, cử binh tiêu diệt đi. Nhà vua ra chiếu tham khảo ý kiến của Tiêu Vọng Chi. Tiêu vọng Chi viết thư trả lời tâu rằng: “Thời Xuân Thu nước Tấn xuất sư đánh nước Tề, nửa đường nghe tin Tề hầu chết thì lui binh, quân của bậc đại quân tử không xâm lược nước đang có tang, là để cho nước ấy làm tròn việc hiếu, nên khiến các vua chư hầu khác cảm động. Trước đây Thiên Vu nước Hồ đã chịu hướng theo nước Hán, sai sứ qua lại xin kết hòa thân khiến trong nước an ổn vui sống, các nước di địch không nước nào không nghe lệnh của ta. Nay vua nước Hồ bị bày tội phản nghịch sát hại, nếu ta đem quân chinh phạt họ, là thừa lúc họ rối ren ta lấy làm may mắn cho mình. Họ sẽ mau mau chạy trốn. Động binh không vì nghĩa, e rằng vất vả mà chẳng nên công tích gì. Ta nên cử sứ giả đi điều tang, là phụ giúp kẻ yếu, cứu tai họa cho họ. Bốn man di nghe tin này, thì cho Trung Quốc là nước nhân nghĩa, tự nguyện chịu xưng thần, Đạo đức thịnh thay!” Nhà vua nghe theo. Khi vua Hán Tuyên đế lâm bệnh, các quan đại thần đến thăm, gồm quan Thị trung Sử Cao, quan Thái tử Thái truyền Tiêu Vọng Chi, quan Thiếu truyền Chu Kham, vào đến bên giường vua nằm, vua phong Sử Cao làm Xa kỵ tướng quân, Tiêu Vọng Chi làm Tiền tướng quân, Chu Kham làm Quang Lộc đại phu, cả ba vị đều thụ di chiếu làm đại thần phụ chính. Khi vua Hán Hiếu Nguyên hoàng đế tức vị. Tiêu Vọng Chi, Chu Kham vốn trước từng dạy học cho Thái tử dĩ nên được vua mới tôn trọng, mấy lần vua

mời họ bàn về vấn đề trị loạn. Tiêu Vọng Chi thường qua lại giao thiệp cùng nhà tông thất học thức uyên bác là Lưu Canh Sinh và Kim Tệ. Bốn vị Tiêu Vọng Chi, Chu Kham, Lưu Canh Sinh và Kim Tệ đồng tâm bàn mưu tính kế, phần lớn là việc không phò chính sách. Hai viên quan Trung thư lệnh là Hoảng Cung, Thạch Hiễn cùng với quan Xa kỵ tướng quân Sứ Cao làm tò tâu vua, trong nghị luận thường viện chuyện cũ, không nghe theo nhóm người như Tiêu Vọng Chi. Từ khi vua Hán Vũ đế tổ chức tiệc nơi hậu đình, không theo chế độ cũ của nhà nước, bắt đầu dùng hoạn quan. Nhà vua nghe lời bộ ba quá ngỗ ngược Sứ Cao, Hoảng Cung, Thạch Hiễn còn làm những việc trái với thời xưa. Hoảng Cung, Thạch Hiễn mớm lời cho hai người là Trịnh Bằng, Hoa Long, tố cáo nhóm Tiêu Vọng Chi đòi bãi chức Xa kỵ tướng quân của Sứ Cao. Chúng trông đến ngày Vọng Chi về hưu thì ra lệnh cho Trịnh Bằng, Hoa Long dâng sớ lên vua. Vụ việc xuống đến Hoảng Cung, Hoảng Cung, Thạch Hiễn tâu vua: “Phe đảng Tiêu Vọng Chi, Chu Kham, Lưu Canh Sinh vu vạ đại thần, ly gián bà con nội ngoại. muốn tào lập vị thế độc tài để chuyên quyền, vu cáo quan lại bất trung, vu cáo nhà vua vô đạo, xin bắt giao cho Đình úy luận tội”. Bấy giờ vua vừa lên ngôi, không xem xét cụ thể vụ việc, mà giao cho quan Đình úy xem xét. Về sau nhà vua triệu Chu Kham, Canh Sinh, Hoảng Cung, Thạch Hiễn bảo: “Bắt trời giam vào ngục”. Nhà vua thất kinh, trách Cung, Hiễn. hai người khầu đầu tạ lỗi, nhà vua nói: “Vụ này lệnh từ đâu?”. Bọn Hoảng Cung, Thạch Hiễn đẩy cho Sứ Cao trả lời vua cho qua chuyện. Bấy giờ thì Vọng Chi, Chu Kham, Canh Sinh đều bị miễn chức về nhà làm dân. Mấy tháng sau, ban cho Vọng Chi chức Cấp sự trung tước Quan Nội hầu, Bọn Cung, Diển biết Vọng Chi tố chất cao tiết, không chịu khuất nhục, bèn tâu: “Vọng Chi trước đây làm quan Phụ chính đại thần, muốn chuyên quyền lũng đoạn triều đình, may là không được ngồi lâu, rồi được cho cùng dự nghe chính sự, nhưng lại

không biết hỏi cái mà lòng oán vua càng nặng, trong lòng thì tám tức, vì cho rằng thánh triều không ban ơn hậu”. Nhà vua nói: “Tiêu Thái truyền tính người cương nghị, sao chịu làm vậy?” Bọn Hoằng Cung, Thạch Hiên nói: “hân mệnh chí trọng. Vọng Chi làm chức ấy, ngữ ngôn bạc tội, ắt không phải lo gì”. Nhà vua thấy nói có lý, bọn Hoằng Cung, Thạch Hiên đề nghị phong làm Phó Yết giả, nhân cấp phát xa kỵ, trì vi kỳ đệ. Khi sứ đến, vua cho triệu Tiêu Vọng Chi, Tiêu Vọng Chi ngẩng nhìn trời than rằng: “Ta từng làm Tể tướng, nay tuổi đã hơn sáu mươi! Người già ở tù, cầu được sống trong tù chẳng là bỉ ổi lắm sao!” bèn tự sát chết. Nhà vua nghe tin kinh ngạc lắm, xuôi tay nói: “Ta giết bậc hiền truyền rồi!” Bấy giờ, nhà vua đang ăn sáng, nhà vua bỏ ăn che mặt khóc, tả hữu hoảng kinh. Bọn Hoằng Cung, Thạch Hiên gỡ mũ tạ tội, lâu sau mọi người mới bình tĩnh trở lại.

(HẾT TẬP 8)